

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH CAO BẰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Số 073, Tổ dân phố Sông Hiến 1, P. Thục Phán, tỉnh Cao Bằng

Điện thoại: (0206)3.750.607

Website: <http://truongcaodangcaobang.edu.vn/>

Email: cbc.c06@moet.edu.vn

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO NGHỀ TRỒNG TRỌT
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2025

Cao Bằng, tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
CÁC TỪ VIẾT TẮT	2
PHẦN I GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ TRỒNG TRỌT.....	3
1. THÔNG TIN CHUNG KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG.....	3
1.1. Thông tin chung	3
1.2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Nhà trường..	3
2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	8
2.1. Thông tin khái quát đơn vị:.....	8
2.2. Quá trình hình thành và phát triển đơn vị.....	8
2.3. Chức năng, nhiệm vụ đơn vị.....	9
2.4. Đội ngũ giáo viên của đơn vị.....	9
2.5. Cơ cấu tổ chức của đơn vị:	11
2.6. Các nghề đào tạo của đơn vị:	11
3. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	11
3.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo	11
3.1.1. Mục tiêu chung:	11
3.1.2. Mục tiêu cụ thể:.....	12
3.2. Phương thức đào tạo.....	14
3.3. Tóm tắt nội dung chương trình đào tạo	14
3.4. Kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp:.....	17
3.5. Đội ngũ giảng viên tham gia chương trình đào tạo:	17
3.6. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo.....	18
PHẦN II KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ TRỒNG TRỌT.....	19
1. Tổng quan chung	19
1.1. Căn cứ tự đánh giá	20
1.2. Mục đích tự đánh giá	20
1.3. Yêu cầu tự đánh giá	20
1.4. Phương pháp tự đánh giá.....	20
1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá	20
2. Tự đánh giá	20
2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề: Trồng trọt. Trình độ: Trung cấp.....	21
2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:.....	27
PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	62
PHỤ LỤC 01.....	63
PHỤ LỤC 02.....	77
PHỤ LỤC 03.....	78

CÁC TỪ VIẾT TẮT

1.	BLĐTB&XH	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
2.	TCGDNN	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
6.	TC	Trung cấp
7.	CĐ	Cao đẳng
8.	BGH	Ban Giám hiệu
9.	TK	Trưởng khoa
10.	P.TK	Phó Trưởng khoa
11.	TP	Trưởng phòng
12.	P.TP	Phó Trưởng phòng
14.	GV	Giáo viên
15.	CNVC	Công nhân viên chức
16.	TT	Thông tư
17.	TW	Trung ương
18.	CTĐT	Chương trình đào tạo
19.	CTK	Chương trình khung
20.	GT	Giáo trình
21.	NĐ	Nghị định
22.	QĐ	Quyết định
24.	HSSV	Học sinh, sinh viên
25.	TCHC	Tổ chức - Hành chính
26.	KĐ&ĐBCL	Kiểm định và đảm bảo chất lượng
27.	HĐKT	Hợp đồng kinh tế
28.	KTX	Ký túc xá
30.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
31.	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
32.	SKKN	Sáng kiến kinh nghiệm
33.	CNTT	Công nghệ thông tin
34.	KNN	Kỹ năng nghề
36.	Th.S	Thạc sĩ
37.	VHPT	Văn hóa phổ thông
38.	VHVL	Vừa học vừa làm

Cao Bằng, ngày 23 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO

**Kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
nghề Trồng trọt trình độ Trung cấp**

PHẦN I

GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ TRỒNG TRỌT

1. THÔNG TIN CHUNG KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG

1.1. Thông tin chung

- **Tên tiếng Việt:** Trường Cao đẳng Cao Bằng
- **Tên tiếng Anh:** Cao Bang College
- **Địa chỉ:**
 - + Trụ sở chính: số 073, Tổ dân phố Sông Hiến 1, Phường Thục Phán, Tỉnh Cao Bằng.
 - + Cơ sở số 1: số 28, ngõ 61, Tổ dân phố Đề Thám 1, Phường Thục Phán, Tỉnh Cao Bằng.
 - + Cơ sở số 2: Phố A, Xã Hòa An, Tỉnh Cao Bằng.
- **Điện thoại:** (0206)3.750.607
- **Email:** cbc.c06@moet.edu.vn
- **Website:** truongcaodangcaobang.edu.vn

Loại hình trường: Công lập ☒

1.2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Nhà trường

1.2.1. Khái quát về lịch sử phát triển của Nhà trường:

* Quá trình hình thành và phát triển của Trường CĐSP Cao Bằng

Năm 1948 lớp sư phạm đầu tiên của tỉnh Cao Bằng được thành lập tại Thôn Rệp, Thụy Hùng, Hà Quảng.

Từ năm 1959 - 1973 lãnh đạo tỉnh ra quyết định thành lập khu học xá Cao Bằng gồm 4 phân hiệu, trong đó có phân hiệu đào tạo giáo viên cấp I và cấp II.

Năm 1960 - 1965 Bộ Giáo dục ra quyết định thành lập trường Sư phạm cấp II Cao Bằng. Việc tuyển sinh được duy trì ngành đào tạo giáo viên cấp II, giáo viên cấp I,

giáo viên Mẫu giáo và giáo viên dạy chữ HMông.

Từ năm 1967 - 1972 Tỉnh ra quyết định mở trường Sư phạm cấp I gồm các lớp: 4+3; 7+1; 7+3; 10+1; mở thêm các ban Văn - Sử; Toán - Lí; Hóa - Sinh; Sinh - Địa (đối với Sư phạm cấp II)

Năm 1974 - 1975 thành lập trường Sư phạm 7+2, đến năm 1978 - 1979 thay đổi tên trường Sư phạm 7+2 thành trường Sư phạm 10+2.

Năm 1978, Bộ Giáo dục và Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ra quyết định mở trường Sư phạm 10+3 Cao Bằng vào ngày 20/11/1978.

Năm 1984, trường Sư phạm mẫu giáo được sáp nhập lại với trường nuôi dạy trẻ thành trường Mẫu giáo nhà trẻ.

Năm 1990, Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số 334/UBND-TC ngày 20 tháng 9 năm 1990 sáp nhập cả 3 trường Sư phạm 12+2, 12+3, Mẫu giáo nhà trẻ thành trường Trung học Sư phạm Cao Bằng.

Đến ngày 02 tháng 10 năm 2000, Trường THSP Cao Bằng đã được Bộ Giáo dục Đào tạo ký Quyết định số 4018/2000/QĐ-BGD&ĐT- TCCB nâng cấp trường THSP Cao Bằng thành trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng.

* Quá trình hình thành và phát triển của Trường Trung cấp nghề Cao Bằng

Trường Trung cấp nghề Cao Bằng (tiền thân là trường Dạy nghề tỉnh Cao Bằng) là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Cao Bằng được thành lập từ năm 2002 (QĐ số 1426/QĐ-TC-UB ngày 22/8/2002 của UBND tỉnh Cao Bằng).

Năm 2008, Trường đổi tên thành trường Trung cấp nghề tỉnh Cao Bằng.

Năm 2019, Trường sáp nhập với Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật theo Quyết định số 1999/QĐ - UBND ngày 08/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, lấy tên là Trường Trung cấp nghề Cao Bằng trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Cao Bằng. Trường có chức năng đào tạo nghề bậc Trung cấp, Sơ cấp, Liên kết đào tạo trình độ cao đẳng, đại học theo hình thức vừa học, vừa làm.

* Quá trình hình thành và phát triển của Trường Cao đẳng Cao Bằng

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nghị quyết số 06-NQ/BCSD ngày 02/12/2022 của Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch số 3593/KH-BCĐ ngày 24/12/2022 của Ban Chỉ đạo tỉnh về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả đối với các cơ quan hành chính Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng và Trường Trung cấp nghề Cao Bằng đã sáp nhập nhằm làm tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước; chuyển đổi mục tiêu đào tạo từ giáo dục chuyên nghiệp sang giáo dục nghề nghiệp; đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực vừa có tri thức, kỹ năng nghề nghiệp; đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung chương trình, kế hoạch giảng dạy, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực phục vụ cho các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh, nhu cầu của thị trường lao động.

Trường Cao đẳng Cao Bằng được thành lập theo Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc tổ chức lại trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng và trường Trung cấp Nghề Cao Bằng thành trường Cao đẳng Cao Bằng. Trường thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ tay nghề cao phục vụ cho sự nghiệp phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh Cao Bằng, đáp ứng nhu cầu lao động trong tỉnh, khu vực lân cận và toàn quốc.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Nhà trường luôn chủ động khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giáo dục và đào tạo nghề được tỉnh giao. Từ khi được nâng cấp thành trường Cao đẳng. Nhà trường đã xây dựng và biên soạn các nội dung: Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp cho các ngành nghề theo chương trình khung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Các môn học, mô-đun trong các bộ chương trình đã áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, sử dụng các trang thiết bị với công nghệ mới, từng bước tiếp cận trình độ khu vực trong và ngoài tỉnh.

Nhà trường không ngừng đổi mới nội dung chương trình và mục tiêu đào tạo, mở thêm một số ngành nghề mới, cung cấp nguồn nhân lực kịp thời cho nhu cầu lao động của xã hội, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Cao Bằng.

Hiện tại, Nhà trường đang tổ chức đào tạo với tổng số nghề đào tạo, ở 02 cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp cụ thể:

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	Công nghệ thông tin		500	
1	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	5480202		Trung cấp
II	Công nghệ kỹ thuật cơ khí			
1	Công nghệ ô tô	5510216		Trung cấp
III	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật			
1	Hàn	5520123		Trung cấp
2	Vận hành máy thi công nền	5520183		Trung cấp
IV	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn			

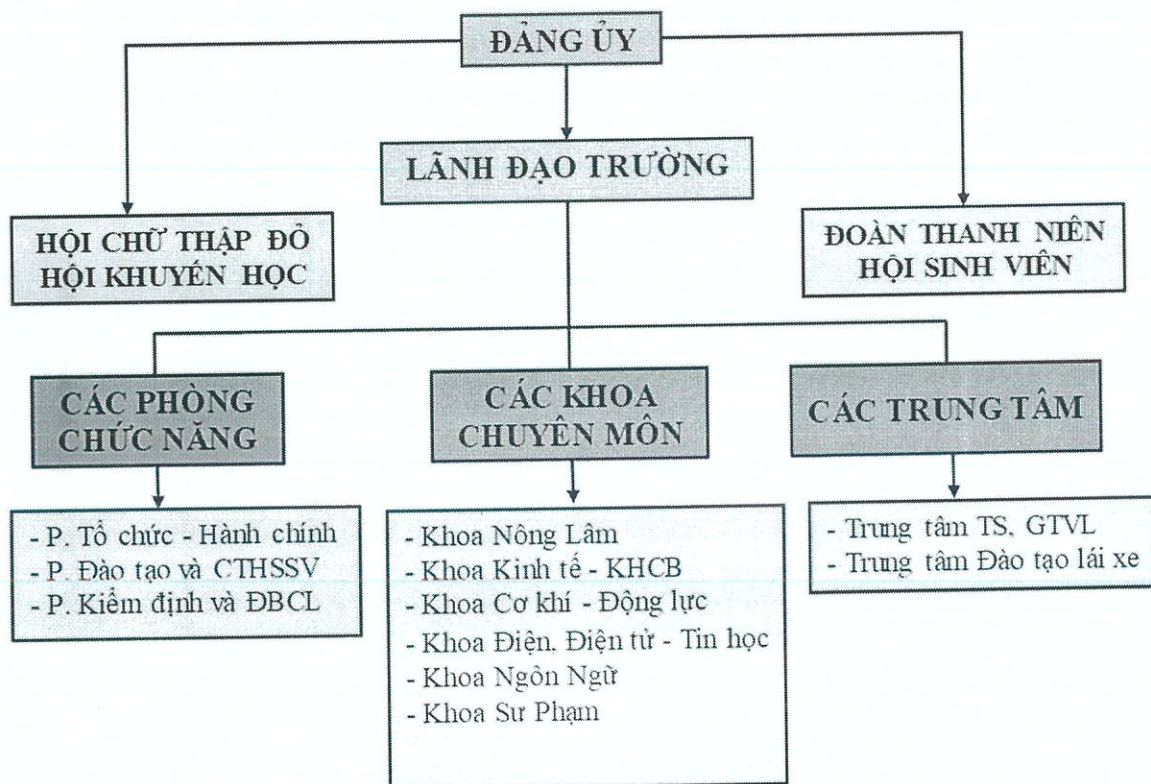
	thông			
1	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	5520205		Trung cấp
2	Điện dân dụng	5520226		Trung cấp
3	Điện công nghiệp	5520227		Trung cấp
4	Tự động hóa công nghiệp	5520264		Trung cấp
V	Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da			
1	May thời trang	5540205		Trung cấp
VI	Nông nghiệp			
1	Trồng trọt	5620110		Trung cấp
2	Chăn nuôi - Thú y	5620120		Trung cấp
3	Khuyến nông lâm	5620122		Trung cấp
4	Lâm sinh	5620202		Trung cấp
VII	Du lịch			
1	Hướng dẫn du lịch	5810103		Trung cấp
2	Quản trị khách sạn	5810201		Trung cấp
VIII	Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài			
1	Tiếng Trung Quốc	6220209	100	Cao đẳng
IX	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			
1	Giáo dục Mầm non	51140201	20	Cao đẳng

Ngoài ra, Nhà trường còn liên kết đào tạo với trường Cao đẳng cơ điện Hà Nội, thực hiện đào tạo một số ngành nghề trình độ Cao đẳng đáp ứng tốt nhu cầu của người học trong và ngoài tỉnh.

1.2.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường

* Cơ cấu tổ chức

TỔ CHỨC BỘ MÁY TRƯỜNG CAO ĐẲNG CAO BẰNG



* Tổ chức nhân sự Trường Cao đẳng Cao Bằng

STT	Bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, chức vụ
1	Lãnh đạo Trường	Đinh Ngọc Lượng	1970	Thạc sĩ	Hiệu trưởng
		Ngọc Hoàng Anh	1975	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
		Nguyễn Thị Vân Chi	1980	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
2	Tổ chức Đảng, đoàn thể				
2.1.	Đảng bộ bộ phận	Đinh Ngọc Lượng	1970	Thạc sĩ	Bí thư
		Nguyễn Thị Vân Chi	1980	Thạc sĩ	Phó Bí thư
	Chi bộ trực thuộc				
	Chi bộ 1	Đỗ Thị Diễm	1973	Thạc sĩ	Bí thư
	Chi bộ 2	Nông Thị Mai Sơn	1974	Thạc sĩ	Bí thư
	Chi bộ 3	Nông Đức Hưng	1978	ĐH	Bí thư
2.2	Đoàn thanh niên	Nguyễn Thị Luyến	1990	Thạc sĩ	Bí thư
2.3	Hội Sinh viên	Nguyễn Thị Luyến	1990	Thạc sĩ	Chủ tịch
3	Các phòng				

3.1.	Phòng Tổ chức - Hành chính	Hoàng Văn Tôn	1971	Thạc sĩ	Trưởng phòng
3.2.	Phòng Đào tạo và CTHSSV	Trần Thị Liễu	1979	Đại học	Trưởng phòng
3.3.	Phòng Kiểm định và Đảm bảo chất lượng	Đỗ Thị Diễm	1973	Thạc sĩ	Trưởng phòng
4.	Các Khoa				
4.1.	Khoa Ngôn ngữ	Nông Thị Mai Sơn	1974	Thạc sĩ	Trưởng khoa
4.2.	Khoa Sư phạm	Bế Thị Hoài	1977	Thạc sĩ	Trưởng khoa
4.3.	Khoa Kinh tế - KHCB	Nguyễn Thanh Hoa	1981	Thạc sĩ	Trưởng khoa
4.4.	Khoa Điện, Điện tử - Tin học	Nông Kiều Anh	1982	Thạc sĩ	Trưởng khoa
4.5.	Khoa Cơ khí - Động lực	Nông Đức Hưng	1978	Đại học	Trưởng khoa
4.6.	Khoa Nông lâm	Hoàng Thị Hương	1985	Thạc sĩ	Trưởng khoa
5.	Các Trung tâm				
5.1.	Trung tâm TSGTVL	Bế Thị Phụng	1980	Đại học	Giám đốc
5.2.	Trung tâm đào tạo lái xe	Nguyễn Thị Ngân	1983	Đại học	P. Giám đốc

2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Thông tin khái quát đơn vị:

Tên khoa : KHOA NÔNG LÂM.
 Tên Tiếng Anh : Agri - Silvi – Department
 Số điện thoại : (0206)3.750.607
 Email : khoanonglam.cdcb@gmail.com

2.2. Quá trình hình thành và phát triển đơn vị

Khoa Nông lâm Trường Cao đẳng Cao Bằng được thành lập theo QĐ số 58/QĐ-CĐCB ngày 28/4/2025, tiền thân là Khoa Kỹ thuật Nông lâm – Chăn nuôi thú y Trường Trung cấp nghề Cao Bằng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ, Ban lãnh đạo, cùng với sự phối hợp giúp đỡ của các đơn vị phòng khoa trong Nhà trường, thầy và trò Khoa Nông lâm đã không ngừng đổi mới sáng tạo, nỗ lực phấn đấu, đoàn kết nhất trí, hoàn thành tốt

nhiệm vụ được giao, khẳng định vị thế của mình trong sự nghiệp phát triển đào tạo nghề trọng điểm, góp phần xây dựng Nhà trường phát triển bền vững. Khoa đã và đang đào tạo các nghề: Khuyến nông lâm, Lâm sinh, Trồng trọt, Chăn nuôi – Thú y trình độ Trung cấp nhằm cung cấp nguồn nhân lực có trình độ, chất lượng cung cấp cho thị trường lao động tại địa phương và trong cả nước.

Trong quá trình xây dựng và phát triển Khoa nông lâm đã đạt được nhiều thành tích trong phong trào dạy và học.

*** Phong trào thi đua trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giáo viên, giáo viên:**

- Trong giảng dạy năm học 2024 - 2025:

+ 100% giảng viên, giáo viên trong Khoa giảng dạy vượt giờ theo định mức được giao.

+ 100% hồ sơ giảng dạy của giảng viên, giáo viên trong năm học đạt loại tốt.

+ 01 giáo viên đạt giải khuyến khích trong Hội giảng Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp toàn quốc.

- Trong nghiên cứu khoa học:

+ Năm học 2024 – 2025 Khoa có 02 giáo viên Tham gia đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở.

+ Năm học 2025 – 2026, 90% giáo viên của Khoa đăng ký thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở và tham gia hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp trường 02 mô hình.

*** Phong trào thi đua trong học tập của HSSV:**

- Năm học 2024 - 2025 có 100% học sinh đỗ tốt nghiệp nghề trong đó;

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp đạt loại giỏi 34%

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp đạt loại khá 59,3%

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp đạt loại trung bình 6,7%

Khoa Nông lâm có đủ hệ thống phòng học chuyên môn hoá, phòng học thực hành phòng học lý thuyết được trang bị đầy đủ các thiết bị đáp ứng được yêu cầu đào tạo các nghề Khoa giảng dạy. Các trang thiết bị phục vụ đào tạo được cập nhật, bổ sung hàng năm vừa đồng bộ, hiện đại, mang tính hội nhập, được đầu tư từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia hàng năm và ngân sách cấp thường xuyên của tỉnh Cao Bằng.

2.3. Chức năng, nhiệm vụ đơn vị

a) Chức năng

- Khoa Nông lâm tham mưu, giúp Ban lãnh đạo quản lý chuyên môn, tổ chức các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, lao động sản xuất, học tập và thực tập tốt nghiệp của các nghề: Khuyến nông lâm, Lâm sinh, Trồng trọt, Chăn nuôi – Thú y theo đúng kế hoạch và tiến độ chung của nhà Trường.

b) Nhiệm vụ

b.1. Quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học thuộc Khoa Nông, Lâm nghiệp – Chăn nuôi thú y theo phân cấp của Hiệu trưởng.

b.2. Thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động ngoại khóa theo

chương trình, kế hoạch giảng dạy hàng năm của trường, bao gồm:

- Xây dựng chương trình đào tạo; biên soạn tài liệu, giáo trình đào tạo, học liệu của từng ngành, nghề theo từng trình độ đào tạo và hình thức đào tạo thuộc Khoa quản lý hoặc do Hiệu trưởng giao;

- Tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các môn học, mô-đun liên quan bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo, trùng lặp giữa các môn học, mô-đun của chương trình đào tạo hoặc giữa các trình độ đào tạo;

- Tổ chức đào tạo, nghiên cứu, đổi mới phương pháp giảng dạy; Ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông vào dạy học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo;

- Xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động.

b.3. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động chuyển giao công nghệ cho nông dân và doanh nghiệp trong ngành nông nghiệp, giúp họ áp dụng các tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; Cung cấp dịch vụ tư vấn cho người nông dân về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, phòng ngừa dịch bệnh và quản lý sản xuất hiệu quả.

b.4. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ liên quan đến ngành, nghề đào tạo và huy động sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo của Khoa.

b.5. Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo; ngành, nghề đào tạo và cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học; tăng cường điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo; thực hiện các hoạt động thực nghiệm, nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào quá trình đào tạo.

b.6. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thuộc Khoa, bộ môn.

b.7. Tổ chức đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động trong khoa, bộ môn và tham gia đánh giá cán bộ quản lý trong trường theo quy định của Nhà trường.

b.8. Quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo theo quy định của Nhà trường; đề xuất, xây dựng kế hoạch bổ sung, bảo trì thiết bị đào tạo của Khoa, bộ môn.

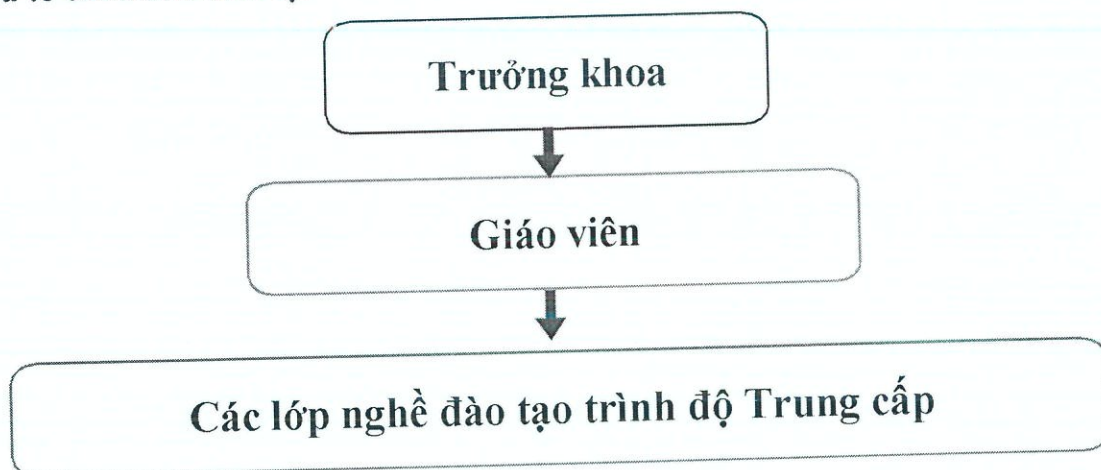
b.9. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng giao; thực hiện công tác đảm bảo chất lượng đào tạo và báo cáo theo quy định.

2.4. Đội ngũ giáo viên của đơn vị

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	EMAIL	ĐIỆN THOẠI
1	Hoàng Thị Hương	Trưởng khoa	hoanghuong1885@gmail.com	0949.265.849
2	Trần Thu Hằng	Phó trưởng	tranthuhang0703@gmai.com	0368.999.548

		khoa		
3	Bế Kim Thông	Giáo viên	bekimthongcb@gmail.com	0368.126.866
4	Nguyễn Thị Hương	Giảng viên	nguyenhuong83cb@gmail.com	0984.036.135
5	Lê Tuyết Hương	Giáo viên	huonglt298@gmail.com	0915.624.929
6	Hoàng Thị Hằng Nga	Giáo viên	hoangnga2208200808@gmail.com	0397.822.589
7	Hoàng Quang Sơn	Giáo viên	hoangquangson.cb@gmail.com	0988.424.475
8	Hoàng Nông Chiến	Giáo viên	hoangnongchienk42tt@gmail.com	0392.020892
9	Chu Thị Trang	Giáo viên	chutrangk42ptnt@gmail.com	0365.730.041
10	Nông Hoàng Yến	Giáo viên	nonghoangyen0594@gmail.com	0376.417.404

2.5. Cơ cấu tổ chức của đơn vị:



2.6. Các nghề đào tạo của đơn vị:

STT	Tên nghề	Ghi chú
1	Khuyến nông lâm (Trình độ đào tạo: Trung cấp)	
2	Lâm sinh (Trình độ đào tạo: Trung cấp)	
3	Trồng trọt (Trình độ đào tạo: Trung cấp)	
4	Chăn nuôi - Thú y (Trình độ đào tạo: Trung cấp)	

3. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

3.1.1. Mục tiêu chung:

Nhằm đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ lĩnh vực Trồng trọt; có năng lực hành nghề Trồng trọt tương ứng với trình độ đào tạo bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn.

3.1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

+ Trình bày được kiến thức về an toàn lao động vào quá trình thực hiện các nhiệm vụ cơ bản của nghề.

+ Trình bày được kiến thức cơ sở về giống, phân bón, kỹ thuật canh tác, sinh lý thực vật.

+ Trình bày được nội dung về phòng trừ dịch hại, trồng cây công nghiệp, trồng cây lương thực, trồng cây rau, trồng cây ăn quả, trồng cây dược liệu, trồng nấm, cách thức chế biến bảo quản nông sản sau thu hoạch.

+ Áp dụng những kiến thức đã học vào tổ chức trồng trọt, bảo vệ thực vật, khuyến nông.

+ Có kiến thức căn bản về sinh lý thực vật, đất, phân bón, lai tạo và chọn giống cây trồng.

+ Nhận biết được các yếu tố ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng.

+ Có kiến thức về công tác khuyến nông, tổ chức trồng trọt và bảo vệ cây trồng.

- Về kỹ năng:

+ Thực hiện thành thạo nghiệp vụ trồng trọt bao gồm: Giống cây trồng, kỹ thuật thâm canh, dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc 4 đúng;

+ Thực hiện được chế biến bảo quản sản phẩm sau khi thu hoạch;

+ Có thể tham gia thực hiện các quy trình sản xuất thuộc lĩnh vực trồng trọt.

+ Người học giải quyết được vấn đề đặt ra trên cơ sở nhìn nhận, hiểu, đánh giá và đưa ra giải pháp phù hợp, thực hiện có hiệu quả trong quá trình thực hiện các công việc cụ thể.

+ Có kỹ năng phối hợp hiệu quả với các thành viên trong nhóm nhằm thực hiện các công việc cụ thể được giao. Có tinh thần hỗ trợ các thành viên nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

+ Người học hiểu được sự cần thiết của việc sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; biết vận động người xung quanh và bản thân thực hiện tiết kiệm, hiệu quả năng

lượng trong sinh hoạt, tiêu dùng và trong hoạt động chuyên môn.

+ Thực hiện được nghiệp vụ chuyên môn: Trồng trọt, lai tạo giống cây trồng, kỹ thuật thâm canh, bảo vệ thực vật...

+ Có khả năng thực hiện các quy trình sản xuất thuộc lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật và đánh giá hiệu quả của mô hình.

+ Thực hiện được kỹ thuật cơ bản về nhận biết và phân loại sâu, bệnh hại cây trồng, quản lý và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong các mô hình canh tác.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc.

+ Trung thực và có tính kỷ luật cao, sẵn sàng đảm nhận các công việc được giao ở các hợp tác xã nông nghiệp, nông trường, trang trại, doanh nghiệp tư nhân, công ty kinh doanh, doanh nghiệp trong lĩnh vực nông lâm nghiệp.

+ Có ý thức học tập, rèn luyện và nâng cao trình độ chuyên môn.

+ Chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

+ Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

+ Hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

- Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

Chính trị, đạo đức:

+ Hiểu biết một số kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

+ Có hiểu biết về phòng, chống tham nhũng, nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng; trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng.

+ Có lương tâm nghề nghiệp, có ý thức chấp hành đúng tổ chức kỷ luật và tác phong làm việc công nghiệp.

+ Tích cực học tập và rèn luyện đạo đức để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu công việc.

Thể chất, quốc phòng:

+ Thường xuyên rèn luyện thân thể để có đủ sức khỏe học tập và công tác lâu dài;

+ Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

TF
A
CA
S

+ Hiểu biết những kiến thức kỹ năng cơ bản cần thiết trong Chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh.

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần cảnh giác cách mạng và sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

- Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

+ Sau khi tốt nghiệp người học có khả năng làm việc tại các cơ sở sản xuất và nghiên cứu thực nghiệm về cây lương thực, cây công nghiệp, cây rau quả, cây hoa và cây cảnh;

+ Tại các Trung tâm nghiên cứu sản xuất giống cây trồng, phòng kỹ thuật của các trang trại;

+ Các công ty, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ giống cây trồng và thuốc bảo vệ thực vật;

+ Tự tạo việc làm theo ngành nghề được đào tạo.

3.2. Phương thức đào tạo

Hiện nay Trường đang áp dụng phương thức đào tạo đối với nghề Trồng trọt là đào tạo tập trung, học theo niên chế hoặc tích lũy mô đun.

Phương thức đào tạo nghề của Trường hiện nay được tính theo đơn vị là năm học, chương trình đào tạo nghề Trồng trọt đào tạo trong thời gian 03 năm, một năm học có 2 học kỳ và chương trình học được thiết kế theo năm học và ít biến động. Về mặt học sinh phải hoàn thành nội dung môn học/mô đun đã được ấn định theo học kỳ, năm học; học sinh chấp hành tốt thời khóa biểu, lịch thi, các quy định, quy chế của Nhà trường, tích cực học tập và rèn luyện thì sẽ đạt kết quả tốt. Tuy nhiên với phương thức này cũng có những hạn chế về tính chủ động của học sinh, người học xoay quanh quỹ đạo của người dạy, khó liên thông sang ngành học khác.

Để khắc phục những hạn chế trên, trường chủ động trong chương trình đào tạo nghề Trồng trọt thời gian học thực hành chiếm 50%-70% tổng giờ học nhằm tạo điều kiện để học sinh thực hành, chủ động tự rèn luyện kỹ năng nghề; đồng thời phương pháp giảng dạy của giáo viên thực hiện giảng dạy lấy người học làm trung tâm, tổ chức nghiên cứu cho học sinh nhóm theo nhóm, làm bài tập lớn, báo cáo đề án; chương trình đào tạo được xây dựng mang tính liên thông trình độ trung cấp lên cao đẳng.

3.3. Tóm tắt nội dung chương trình đào tạo

Chương trình dạy nghề chi tiết của nghề Trồng trọt các khoá sau được xây dựng trên cơ sở rà soát chương trình đào tạo nghề khoá trước và chương trình khung của BLDTB&XH, đã được nhà Trường thẩm định và ban hành theo đúng quy định.

Nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và thực hiện các quy định, yêu cầu đổi mới chương trình đào tạo của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Trên cơ sở khảo sát nhu cầu lao động và chương trình đào tạo đã xây dựng năm 2025, Trường ban

hành Quyết định số 328/QĐ-CĐCB, ngày 24 tháng 7 năm 2025 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh, cập nhật Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng trong đó có chương trình đào tạo nghề Trồng trọt, thời gian đào tạo 3 năm, được thẩm định theo đúng quy định.

- Bảng thống kê các môn học, mô đun của chương trình đào tạo nghề Trồng trọt trình độ Trung cấp tuyển sinh năm 2024: (Khóa 21)

Mã MH, MĐ	Tên các môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	11	260	98	149	13
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	20	13	6	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
II	Các môn học chuyên môn	63	1590	143	348	19
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	14	300	111	178	11
MH 07	An toàn lao động	2	30	21	7	2
MH 08	Bảo vệ môi trường	2	30	10	19	1
MĐ 09	Sinh lý thực vật	2	60	14	44	2
MĐ 10	Giống cây trồng	2,5	75	14	59	2
MĐ 11	Đất và phân bón	2,5	75	14	59	2
MĐ 12	Khuyến nông	1,5	45	14	29	2
MĐ 13	Luật trồng trọt	1,5	45	14	29	2
MĐ 14	Cơ khí nông nghiệp	1,5	45	14	29	2
MĐ 15	Thủy nông	2	60	14	29	2
MĐ 16	Sinh thái nông nghiệp và phát triển bền vững	1,5	45	14	29	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	41	1080	182	869	29
MĐ 17	Quản lý dịch hại tổng hợp	3	90	20	67	3
MĐ 18	Trồng cây lương thực	3	90	20	67	3
MĐ 19	Trồng cây công nghiệp	3	90	20	67	3
MĐ 20	Trồng cây ăn quả	3	90	20	67	3

MĐ 21	Trồng cây rau	6	180	29	146	5
MĐ 22	Trồng nấm	3	90	20	67	3
MĐ 23	Trồng cây dược liệu	3	90	20	67	3
MĐ 24	Công nghệ sau thu hoạch	2,5	75	14	59	2
MĐ 25	Trồng hoa, cây cảnh	2,5	75	14	59	2
MĐ 26	Thực tập tốt nghiệp	5	210	5	203	2
Cộng I + II + III		64	1850	423	1366	61

Năm 2025 Nhà trường tiếp tục rà soát và chỉnh sửa chương trình đào tạo nghề Trồng trọt để phù hợp với thực tế phát triển của thị trường lao động:

- Bảng thống kê các môn học, mô đun của chương trình đào tạo nghề Trồng trọt trình độ Trung cấp tuyển sinh năm 2025 (Khóa K22):

Mã MH, MD	Tên các môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	11	260	98	149	13
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	1	20	13	6	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	63	1590	325	1217	48
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	22	510	143	348	19
MH 07	An toàn lao động	1,5	30	21	7	2
MH 08	Bảo vệ môi trường	1,5	30	10	19	1
MĐ 09	Sinh lý thực vật	2,5	60	14	44	2
MĐ 10	Giống cây trồng	3	75	14	59	2
MĐ 11	Đất và phân bón	3	75	14	59	2
MĐ 12	Khuyến nông	2	45	14	29	2
MĐ 13	Luật trồng trọt	2	45	14	29	2
MĐ 14	Cơ khí nông nghiệp	2	45	14	29	2
MĐ 15	Thủy nông	2,5	60	14	29	2
MĐ 16	Sinh thái nông nghiệp và phát triển bền vững	2	45	14	29	2

II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	41	1080	182	869	29
MĐ 17	Quản lý dịch hại tổng hợp	3,5	90	20	67	3
MĐ 18	Trồng cây lương thực	3,5	90	20	67	3
MĐ 19	Trồng cây công nghiệp	3,5	90	20	67	3
MĐ 20	Trồng cây ăn quả	3,5	90	20	67	3
MĐ 21	Trồng cây rau	7	180	29	146	5
MĐ 22	Trồng nấm	3,5	90	20	67	3
MĐ 23	Trồng cây dược liệu	3,5	90	20	67	3
MĐ 24	Công nghệ sau thu hoạch	3	75	14	59	2
MĐ 25	Trồng hoa, cây cảnh	3	75	14	59	2
MĐ 26	Thực tập tốt nghiệp	7	210	5	203	2
Cộng I + II + III		74	1850	423	1366	61

3.4. Kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp:

TT	Khóa học	Số lượng tuyển sinh		Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp/TS (%)	Ghi chú
		Theo kế hoạch	Thực tế		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	2023 – 2026 (K20)	72	72		
2	2024 – 2027 (K21)	35	31		(K20 tốt nghiệp)
	2025 – 2028 (K22)	107	107		(K21 tốt nghiệp)
	Cộng	212	191		

3.5. Đội ngũ giảng viên tham gia chương trình đào tạo:

Tổng số: 07, trong đó:

- Nam: 02;
- Nữ: 05;
- Cơ hữu: 07;
- Thỉnh giảng: 0.
- Trình độ đào tạo:

Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ	0	0	0
Thạc sĩ	02	03	05
Đại học	0	02	02
Tổng số	02	05	07

3.6. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

TT	Hạng mục, công trình	Đơn vị tính	Tổng số	Ghi chú
1	Văn phòng khoa	45m ²	01	
2	Phòng làm việc	18m ²	05	
3	Phòng học lý thuyết	69m ²	03	
4	Phòng học trực tuyến	69m ²	01	
5	Phòng thực hành nghề Trồng trọt	69m ²	01	
6	Phòng thực hành trồng nấm	69m ²	01	
7	Phòng nuôi cấy mô tế bào thực vật	120m ²	01	
8	Kho lạnh Bảo quản nông sản	270m ²	01	
9	Nhà lưới trồng rau công nghệ cao	768m ²	01	
10	Nhà nhân giống cây trồng	216m ²	01	
11	Phòng thực hành đất phân bón	69m ²	01	

PHẦN II

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ TRỒNG TRỌT

1. Đặt vấn đề

Công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo là yêu cầu bắt buộc nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng GDNN theo các quy định hiện hành của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Thông qua tự đánh giá, cơ sở đào tạo có điều kiện rà soát toàn diện các hoạt động của CTĐT, xác định mức độ đáp ứng các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

Nghề Trồng trọt trình độ Trung cấp có vai trò quan trọng trong việc cung cấp nguồn nhân lực kỹ thuật phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp. Việc tổ chức tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Trồng trọt để đánh giá thực trạng chất lượng, những điểm mạnh, tồn tại và làm căn cứ xây dựng các giải pháp cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo trong thời gian tiếp theo.

2. Tổng quan chung

Thực hiện các quy định hiện hành về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Trồng trọt trình độ Trung cấp nhằm rà soát mức độ đáp ứng các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định, làm cơ sở đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng CTĐT.

2.1. Căn cứ tự đánh giá

- Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

2.2. Mục đích tự đánh giá

- Tuân thủ các quy định hiện hành về tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của nghề trọng điểm, đánh giá toàn bộ hoạt động theo hệ thống tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Nâng cao nhận thức của viên chức, GV, nhân viên và học sinh, sinh viên trong trường công tác tự đánh giá; đánh giá mức độ, hoàn thành nhiệm vụ của từng cá nhân, bộ phận, xem xét thực trạng, chất lượng của chương trình đào tạo, từ đó điều chỉnh mục tiêu chất lượng cho thời gian tiếp theo.

- Duy trì việc rà soát thường xuyên toàn bộ hoạt động của Trường, của chương trình đào tạo so với các tiêu chuẩn có liên quan trong bộ tiêu chí để kịp thời có những giải pháp cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo của Trường hàng năm.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

- Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của chương trình đào tạo, có sự tham gia

của tất cả các bộ phận và cá nhân liên quan.

- Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.

- Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.

- Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nội bộ Trường, được cập nhật vào dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

- Thu thập tài liệu, thông tin, rà soát các hoạt động của Trường, đối chiếu các kết quả đạt được với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

- Xác định mức độ đạt của các tiêu chuẩn, lập kế hoạch cải thiện các tồn tại để nâng cao chất lượng của Trường.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.

- Bước 2: Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Bước 3: Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT.

- Bước 4: Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và gửi cục GDNN-GDTX.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề: Trồng trọt. Trình độ: Trung cấp.

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN về chương trình đào tạo
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		<i>Đạt tiêu chuẩn kiểm định</i>
	Tổng điểm	100	90
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	7,5	5,0
1.1.	Tiêu chuẩn 1.1 Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng của trường, mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động	2,5	2,5

1.2.	Tiêu chuẩn 1.2 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, nhu cầu của người học, đơn vị sử dụng lao động, các bên liên quan khác và được công bố công khai	2,5	2,5
1.3	Tiêu chuẩn 1.3 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được tích hợp năng lực số cho phù hợp với yêu cầu của chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp	2,5	0
2	Tiêu chí 2: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo, giáo trình	17,5	17,5
2.1	Tiêu chuẩn 2.1 Chương trình đào tạo có đầy đủ thông tin, cấu trúc logic, có tính linh hoạt và được cập nhật, phê duyệt, ban hành.	2,5	2,5
2.2	Tiêu chuẩn 2.2 Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động hoặc của ngành, địa phương.	2,5	2,5
2.3	Tiêu chuẩn 2.3 Chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra. Mỗi môn học, mô-đun phải thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
2.4	Tiêu chuẩn 2.4 Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của ngành, địa phương.	2,5	2,5
2.5	Tiêu chuẩn 2.5 Giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành đủ cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
2.6	Tiêu chuẩn 2.6 Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo.	2,5	2,5

2.7	Tiêu chuẩn 2.7 Giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự đổi mới của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
3	Tiêu chí 3 - Hoạt động đào tạo	17,5	17,5
3.1	Tiêu chuẩn 3.1 Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật. Các hoạt động tư vấn tuyển sinh giúp người học lựa chọn đúng ngành, nghề đào tạo, phát huy năng lực, sở trường của người học. Kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo..	2,5	2,5
3.2	Tiêu chuẩn 3.2 Các phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung, mục tiêu của từng mô đun, môn học để góp phần đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	2,5	2,5
3.3	Tiêu chuẩn 3.3 Các hoạt động dạy và học phát huy tính tích cực, tự giác, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời.	2,5	2,5
3.4	Tiêu chuẩn 3.4 Trường phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn người học thực hành, thực tập tại nơi làm việc	2,5	2,5
3.5	Tiêu chuẩn 3.5 Trường xây dựng, ban hành quy trình và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng cho người tốt nghiệp bảo đảm công bằng, minh bạch; hồ sơ lưu trữ đầy đủ, rõ ràng	2,5	2,5
3.6	Tiêu chuẩn 3.6 Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các mục tiêu dạy và học	2,5	2,5
3.7	Tiêu chuẩn 3.7 Kết quả kiểm tra, đánh giá người học được tổng hợp, phân tích và phản hồi kịp thời để cải thiện việc giảng dạy, học tập.	2,5	2,5
4	Tiêu chí 4- Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động	15	15
4.1	Tiêu chuẩn 4.1 Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn, đáp ứng được yêu cầu chương trình đào	2,5	2,5

	tạo và các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.		
4.2	Tiêu chuẩn 4.2 Đội ngũ nhà giáo được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm. Bảo đảm tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo giảng dạy; bảo đảm tỷ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo.	2,5	2,5
4.3	Tiêu chuẩn 4.3 Có kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo bảo đảm về số lượng và chất lượng để thực hiện chương trình đào tạo. Nhà giáo tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo.	2,5	2,5
4.4	Tiêu chuẩn 4.4 Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của nhà giáo được xác định có tính hệ thống, có kế hoạch và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu. Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của chương trình đào tạo	2,5	2,5
4.5	Tiêu chuẩn 4.5 Đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trong xây dựng, tổ chức triển khai chương trình đào tạo; định kỳ được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	2,5	2,5
4.6	Tiêu chuẩn 4.6. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. Thực hiện chính sách khuyến khích đối với nhà giáo, cán bộ quản lý có thành tích để cải tiến liên tục chất lượng của chương trình đào tạo	2,5	2,5
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và học liệu	15	12,5

5.1	Tiêu chuẩn 5.1 Phòng học, phòng học chuyên môn hóa, khu vực thực hành, thực nghiệm bảo đảm quy chuẩn và tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, các yêu cầu công nghệ và bền vững môi trường. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai bao gồm cả các nhu cầu, điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật và không phân biệt đối xử về giới	2,5	2,5
5.2	Tiêu chuẩn 5.2 Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đầy đủ về số lượng, chủng loại và đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo	2,5	2,5
5.3	Tiêu chuẩn 5.3 Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe và vệ sinh môi trường.	2,5	2,5
5.4	Tiêu chuẩn 5.4 Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả	2,5	2,5
5.5	Tiêu chuẩn 5.5 Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp; được cập nhật và áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học và các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo.	2,5	0
5.6	Tiêu chuẩn 5.6 Thiết bị, dụng cụ đào tạo, các điều kiện đào tạo trực tuyến phù hợp và được cập nhật đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo	2,5	2,5
6	Tiêu chí 6 - Người học và hoạt động hỗ trợ người đi học	10	10
6.1	Tiêu chuẩn 6.1. Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ, công khai	2,5	2,5

6.2	Tiêu chuẩn 6.2. Người học được bảo đảm hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, trong đó có chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	2,5	2,5
6.3	Tiêu chuẩn 6.3. Người học được tư vấn học tập, tạo điều kiện tham gia các hoạt động ngoại khóa, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, tư vấn về thị trường lao	2,5	2,5
6.4	Tiêu chuẩn 6.4 Các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, hoạt động phong trào và các dịch vụ hỗ trợ khác giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho người học sau tốt nghiệp. Môi trường và cảnh quan sư phạm tạo thuận lợi cho hoạt động học tập, rèn luyện và phát triển cá nhân của người học.	2,5	2,5
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	17,5	15
7.1	Tiêu chuẩn 7.1 Các chính sách, quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, ban hành chương trình đào tạo được xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến.	2,5	2,5
7.2	Tiêu chuẩn 7.2 Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại các khu vực học tập, rèn luyện và các dịch vụ khác được giám sát, đánh giá và cải tiến	2,5	2,5
7.3	Tiêu chuẩn 7.3 Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo	2,5	2,5
7.4	Tiêu chuẩn 7.4 Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng.	2,5	2,5
7.5	Tiêu chuẩn 7.5 Tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ học và thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng.	2,5	2,5

7.6	Tiêu chuẩn 7.6 Dữ liệu về mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học chương trình đào tạo được xác lập và giám sát. Mức độ hài lòng của người tốt nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng	2,5	0
7.7	Tiêu chuẩn 7.7 Tỷ lệ có việc làm, khởi nghiệp và tiếp tục học trình độ khác của người học sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng. Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.	2,5	0

Điểm tự đánh giá các tiêu chí:

Tiêu chí	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	5,0/7,5
Tiêu chí 2	17,5/17,5
Tiêu chí 3	17,5/17,5
Tiêu chí 4	15/15
Tiêu chí 5	12,5/15
Tiêu chí 6	10/10
Tiêu chí 7	15/17,5
Tổng số	92,5/100

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

3.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Khoa Nông lâm trực thuộc Trường Cao đẳng Cao Bằng được thành lập theo Quyết định số 58/QĐ-CĐCB ngày 28/4/2025. Mục tiêu, sứ mạng của Khoa được thể hiện ở bảng đăng ký mục tiêu chất lượng trước nhà trường hàng năm. Trên cơ sở đó khoa xây dựng bảng phân công công việc cụ thể cho từng cá nhân trong đơn vị vào mỗi đầu năm học. Cơ cấu tổ chức của khoa phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và hoạt động có hiệu quả. Khoa Nông lâm trực thuộc chi bộ 3 phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo đúng quy định của Hiến pháp và pháp luật, các tổ chức xã hội của Trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa. Các hoạt động của Khoa thường xuyên được kiểm tra, giám sát góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa Nông lâm nói riêng và của Nhà trường nói chung.

Khoa Nông lâm được giao nhiệm vụ phụ trách CTĐT nghề Trồng trọt. Trên cơ sở mục tiêu chung của nhà trường, Khoa Nông lâm đã chủ động xây dựng mục tiêu của chương trình đào tạo luôn bám sát các mục tiêu, chủ trương của nhà trường và phù hợp nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động để xây dựng các mục tiêu theo từng giai đoạn cụ thể nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của doanh nghiệp.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	5,0
Tiêu chuẩn 1.1	2,5
Tiêu chuẩn 1.2	2,5
Tiêu chuẩn 1.3	0

Tiêu chuẩn 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng của trường, mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề Trồng trọt được xây dựng với mục tiêu đào tạo phù hợp mục tiêu và sứ mệnh của trường Cao đẳng Cao Bằng. Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Trồng trọt hoàn toàn phù hợp Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt.

Năm 2025, Nhà trường đã ban hành kế hoạch đã rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT cho phù hợp với thực tiễn sản xuất. Căn cứ kế hoạch của Nhà trường Khoa nghề đã tiến hành rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT nghề Trồng trọt. Mục tiêu của CTĐT bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể được thể hiện trong bộ CTĐT nghề Trồng trọt.

(1.1.01-Quyết định số 36/QĐ-CĐCB, ngày 17 tháng 4 năm 2025 về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường Cao đẳng Cao Bằng; Thông tư 52/2018/TT-BLĐTBXH Ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề, thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản và thú y; Thông tư 23/2019/TT-BLĐTBXH ngày 23/12/2019 quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực sản xuất, chế biến và nông nghiệp;

1.1.02-Bộ chương trình đào tạo nghề Trồng trọt trình độ Trung cấp kèm theo Quyết định số 302/QĐ-CĐCB ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Trường Cao đẳng Cao Bằng)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục

nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, nhu cầu của người học, đơn vị sử dụng lao động, các bên liên quan khác và được công bố công khai

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nghề Trồng trọt phù hợp với khoa học kỹ thuật tiên tiến, công nghệ sinh học, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường. Quy định khối lượng kiến thức, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ Trung cấp ít nhất bằng hoặc cao hơn khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ Trung cấp theo nghề Trồng trọt.

Nhà trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến của người học tốt nghiệp đã đi làm, ý kiến của doanh nghiệp có liên quan về mức độ phù hợp giữa chương trình dạy nghề Trồng trọt và nhu cầu của thị trường lao động.

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nghề Trồng trọt được công bố công khai và đảm bảo các quy định.

(1.2.01-Công văn số 643/CĐCB-TSGTVL V/v Phối hợp khảo sát lấy ý kiến phản hồi của đơn vị sử dụng lao động về chất lượng người học tốt nghiệp và khảo sát tình hình việc làm của người học;

1.2.02-QT.54/TTTS06;

1.2.03-<http://truongcaodangcaobang.edu.vn>; Thông báo tuyển sinh năm 2025; Văn bản tuyển sinh đến các trường THPT, các Trung tâm GDNN – GDTX)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được tích hợp năng lực số cho phù hợp với yêu cầu của chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nghề Trồng trọt chưa được tích hợp năng lực số để phù hợp với yêu cầu của chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp. Không đáp ứng được yêu cầu của nội hàm tiêu chuẩn, Khoa tự đánh giá không đạt yêu cầu.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 0 điểm

3.2.2. Tiêu chí 2 – Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	17,5
Tiêu chuẩn 2.1	2,5
Tiêu chuẩn 2.2	2,5
Tiêu chuẩn 2.3	2,5
Tiêu chuẩn 2.4	2,5
Tiêu chuẩn 2.5	2,5

Tiêu chuẩn 2.6	2,5
Tiêu chuẩn 2.7	2,5

Tiêu chuẩn 2.1: Chương trình đào tạo có đầy đủ thông tin, cấu trúc logic, có tính linh hoạt và được cập nhật, phê duyệt, ban hành

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề Trồng trọt đảm bảo có đầy đủ thông tin, cấu trúc chương trình logic và có tính linh hoạt để phù hợp với người học, công nghệ.

Hàng năm chương trình đào tạo nghề Trồng trọt được rà soát, điều chỉnh phù hợp với kỹ thuật, công nghệ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động

(1.1.01-Quyết định số 36/QĐ-CĐCB, ngày 17 tháng 4 năm 2025 về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường Cao đẳng Cao Bằng;

1.2.01-Công văn số 643/CĐCB-TSGTVL V/v Phối hợp khảo sát lấy ý kiến phản hồi của đơn vị sử dụng lao động về chất lượng người học tốt nghiệp và khảo sát tình hình việc làm của người học;

2.1.01-Kế hoạch số 439/KH-CĐCB ngày 28/8/2025 Kế hoạch về hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan năm học 2025 -2026.)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.2: Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động hoặc của ngành, địa phương.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề Trồng trọt trình độ Trung cấp do trường xây dựng năm 2025 đảm bảo phù hợp với yêu cầu sự thay đổi của khoa học công nghệ phát triển của nghề, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ và nhu cầu của thị trường. Các nội dung này được xây dựng căn cứ theo quy định tại Thông tư 52/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ LĐTBXH và Thông tư 23/2019/TT-BLĐTBXH ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Bộ LĐTBXH tham khảo các tài liệu về nhu cầu phát triển của nghề và địa phương và các ý kiến được khảo sát hàng năm, đồng thời chương trình cũng được tham khảo ý kiến từ các đơn vị sử dụng lao động có liên quan thông qua phiếu khảo sát.

(1.1.02-Bộ chương trình đào tạo nghề Trồng trọt trình độ Trung cấp và Quyết định số 302/QĐ-CĐCB, ngày 08 tháng 7 năm 2025 về việc Ban hành chương trình đào tạo;

1.2.01-Công văn số 643/CĐCB-TSGTVL V/v Phối hợp khảo sát lấy ý kiến phản hồi của đơn vị sử dụng lao động về chất lượng người học tốt nghiệp và khảo sát tình hình việc làm của người học)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.2, tiêu chí 2: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.3: Chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra. Mỗi môn học, mô đun phải thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong quá trình thiết kế chương trình đào tạo nghề Trồng trọt, Nhà trường đã khảo sát nhu cầu sử dụng lao động và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan, bao gồm: doanh nghiệp, cơ sở sử dụng lao động, cán bộ quản lý, giảng viên, người học và cựu người học.

Cấu trúc chương trình được thiết kế theo lộ trình đào tạo hợp lý, bảo đảm tính kế thừa và liên thông giữa các môn học, mô đun. Mỗi môn học, mô đun được xác định rõ vị trí trong chương trình, vai trò trong việc hình thành kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp, góp phần từng bước giúp người học đạt được chuẩn đầu ra đã xác định.

Chương trình đào tạo nghề Trồng trọt được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu thực tiễn và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm tính cập nhật và phù hợp với thị trường lao động. Chuẩn đầu ra của chương trình được xác định rõ ràng và được triển khai nhất quán trong toàn bộ cấu trúc chương trình.

(1.2.02-QT.54/TTTS06;

2.3.01- Quyết định số 593/QĐ-CĐCB ngày 18/11/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao Đẳng Cao Bằng ban hành Bộ công cụ lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan Trường Cao đẳng Cao Bằng).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.3, tiêu chí 2: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.4: Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của ngành, địa phương.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề Trồng trọt đang được tổ chức giảng dạy tại Trường được xây dựng theo quy trình xây dựng, điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo của Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 01/3/2017; Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 2 năm 2024 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Việc rà soát điều chỉnh CTĐT tập trung vào các nội dung: (1) Thêm các môn học/mô đun do đòi hỏi của thực tế, do áp dụng những tiến bộ khoa học mới hoặc quy định của nhà nước; (2) Thay đổi thời lượng của một số môn học/mô đun theo yêu cầu của thực tế hoặc quy định của nhà nước; (3) Lược bớt các môn học/mô đun không còn phù hợp hoặc có nội dung trùng lặp với các môn học khác; (4) Tách hoặc gộp các môn học/mô đun cho phù hợp với yêu cầu thực tế. Việc điều chỉnh chương trình của trường cũng tuân theo quy trình xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo của Trường.

Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến nhận xét, đánh giá của nhà giáo, cán bộ quản lý, HSSV, các cựu HSSV người sử dụng lao động, người tốt nghiệp đã đi làm về mức độ phù hợp giữa chương trình dạy nghề và nhu cầu của thị trường lao động năm.

Năm 2025 chương trình đào tạo nghề Trồng trọt được rà soát, điều chỉnh phù hợp với kỹ thuật, công nghệ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động, sự phát triển của nghề và của địa phương.

(1.2.01-Công văn số 643/CĐCB-TSGTVL V/v Phối hợp khảo sát lấy ý kiến phân hồi của đơn vị sử dụng lao động về chất lượng người học tốt nghiệp và khảo sát tình hình việc làm của người học;

1.2.02-QT.54/TTTS06;

2.4.02-Quyết định số 302/QĐ-CĐCB, ngày 08 tháng 7 năm 2025 về việc Ban hành chương trình đào tạo;

2.4.03-Quyết định số 238/QĐ-CĐCB, ngày 24 tháng 7 năm 2025 về việc thành lập ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh, cập nhật và bổ sung chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm học 2025 – 2026.)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.5, tiêu chí 2: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.5: Giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành đủ cho các mô đun, môn học của chương trình đào tạo

Mô tả, phân tích, nhận định:

CTĐT nghề Trồng trọt trình độ Trung cấp đã được Khoa tổ chức biên soạn giáo trình, bài giảng. Các giáo trình, bài giảng đều được đánh giá, nghiệm thu theo quy định.

Định kỳ hàng năm, Khoa nghề đã tổ chức thu thập ý kiến nhận xét đánh giá của cán bộ, giáo viên về chất lượng giáo trình, bài giảng thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn. Chương trình đào tạo nghề Trồng trọt trình độ Trung cấp bao gồm cả chương trình chi tiết các môn học, mô đun đã được Trường tổ chức biên soạn và lựa chọn theo đúng quy định.

Khoa đã biên soạn bài giảng nội bộ nghề Trồng trọt trình độ Trung cấp từ năm 2023 - 2025 đúng theo chương trình môn học/mô đun trong CTĐT tạo điều kiện thuận lợi cho người học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Hiện tại tất cả các môn học/mô đun của CTĐT nghề Trồng trọt có đủ giáo trình, bài giảng hợp lệ để phục vụ giảng dạy và học tập.

(2.4.02-Quyết định số 302/QĐ-CĐCB, ngày 08 tháng 7 năm 2025 về việc Ban hành chương trình đào tạo;

2.5.01-Danh mục giáo trình, bài giảng các môn học/môđun nghề Trồng trọt;

2.5.02-Bản in giáo trình, bài giảng các môn học/mô đun của nghề Trồng trọt trình độ Trung cấp)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.5, tiêu chí 2: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.6: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện tại đối với nghề Trồng trọt trình độ Trung cấp đang sử dụng bộ giáo trình,

bài giảng do Nhà trường và Khoa tổ chức biên soạn, bộ giáo trình, bài giảng đã cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung bài giảng phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

(2.4.02-Quyết định số 302/QĐ-CĐCB, ngày 08 tháng 7 năm 2025 về việc Ban hành chương trình đào tạo;

2.5.01-Danh mục giáo trình, bài giảng các môn học/môđun nghề Trồng trọt;

2.5.02-Bản in giáo trình, bài giảng các môn học/môđun của nghề Trồng trọt trình độ Trung cấp).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.7: Giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự đổi mới của chương trình đào tạo

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2024, khi có Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 2 năm 2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, Trường xây dựng và ban hành lại 13 chương trình đào tạo trình độ trung cấp, 01 chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng trong đó có CTĐT nghề Trồng trọt trình độ Trung cấp.

Năm 2025 trên cơ sở Nhà trường ban hành chương trình đào tạo được rà soát, điều chỉnh để phù hợp với kỹ thuật, công nghệ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động, sự phát triển của nghề và của địa phương. Khoa đã tiến hành rà soát, điều chỉnh, cập nhật và bổ sung giáo trình, bài giảng nghề Trồng trọt để phù hợp với thực tiễn sản xuất đảm bảo yêu cầu theo quy định.

(2.4.02-Quyết định số 302/QĐ-CĐCB, ngày 08 tháng 7 năm 2025 về việc Ban hành chương trình đào tạo;

2.5.01-Danh mục giáo trình, bài giảng các môn học/môđun nghề Trồng trọt).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.7, tiêu chí 2: 2,5 điểm

3.2.3. Tiêu chí 3 – Hoạt động đào tạo

Hoạt động đào tạo của Trường Cao đẳng Cao Bằng được tổ chức theo quy trình chặt chẽ, tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các văn bản quản lý nội bộ của nhà trường. Hằng năm, nhà trường ban hành hệ thống kế hoạch đào tạo, kế hoạch giảng dạy, phân công nhiệm vụ cho các đơn vị; đồng thời rà soát, cập nhật các văn bản quản lý đào tạo nhằm bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong triển khai.

CTĐT nghề Trồng trọt được xây dựng trên cơ sở chuẩn đầu ra, phù hợp với đặc thù từng nghề và yêu cầu của thị trường lao động. Các chương trình được rà soát định kỳ, điều chỉnh, bổ sung nội dung chuyên môn, cập nhật công nghệ mới, bảo đảm cân đối giữa lý thuyết, thực hành và thời lượng học tập tại doanh nghiệp. Các khoa chuyên môn tham gia đề xuất điều chỉnh chương trình, giúp hoạt động đào tạo bám sát thực tiễn, đáp ứng nhu cầu nhân lực địa phương.

Công tác tổ chức dạy và học được quản lý theo kế hoạch cụ thể: phân công giảng dạy cho nhà giáo, sắp xếp thời khóa biểu, theo dõi tiến độ thực hiện chương trình và quản lý hồ sơ chuyên môn. Khoa thực hiện kiểm tra và giám sát hoạt động dạy – học theo kế hoạch hàng năm và các đợt kiểm tra đột xuất. Nội dung kiểm tra bao gồm: giờ giảng, hồ sơ chuyên môn, thực hiện quy chế chuyên môn, tiến độ giảng dạy, nền nếp học tập của người học. Kết quả kiểm tra – giám sát là căn cứ quan trọng để điều chỉnh hoạt động đào tạo, cải thiện phương pháp giảng dạy và hoàn thiện điều kiện học tập.

Các hình thức, phương pháp và công cụ đánh giá người học được thiết kế phù hợp với đặc thù từng học phần, mô đun, môn học; bảo đảm khách quan, công bằng và đánh giá đúng năng lực của người học.

Bên cạnh đó, Nhà trường từng bước mở rộng hợp tác với doanh nghiệp trong tổ chức đào tạo thực hành, thực tập tốt nghiệp và đánh giá năng lực nghề. Những kết quả khảo sát doanh nghiệp và phản hồi của người học được sử dụng làm căn cứ để cải tiến chương trình đào tạo, phát triển kỹ năng nghề và nâng cao chất lượng giảng dạy. Công tác kiểm tra – giám sát được duy trì thường xuyên, các biện pháp điều chỉnh được thực hiện kịp thời; chương trình đào tạo cơ bản phù hợp với yêu cầu thực tiễn; phương pháp dạy học và đánh giá người học từng bước được cải tiến.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	17,5
Tiêu chuẩn 3.1	2,5
Tiêu chuẩn 3.2	2,5
Tiêu chuẩn 3.3	2,5
Tiêu chuẩn 3.4	2,5
Tiêu chuẩn 3.5	2,5
Tiêu chuẩn 3.6	2,5
Tiêu chuẩn 3.7	2,5

Tiêu chuẩn 3.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật. Các hoạt động tư vấn tuyển sinh giúp người học lựa chọn đúng ngành, nghề đào tạo, phát huy năng lực, sở trường của người học. Kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện công tác tuyển sinh năm 2025 theo chỉ tiêu được Bộ LĐTBXH cấp Giấy chứng nhận tuyển sinh và đào tạo theo quy định, chỉ tiêu tuyển sinh được UBND tỉnh và Sở GD&ĐT giao hàng năm. Từ đầu năm học, nhà trường xây dựng quy chế tuyển sinh, kế hoạch, thông báo tuyển sinh đầy đủ các thông tin: mã ngành, chỉ tiêu, hình thức đào tạo, đối tượng, trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký xét tuyển, thời hạn nộp hồ sơ đăng ký tuyển sinh vào ngành đào tạo. Quá trình tổ chức, thực hiện kế hoạch tuyển sinh theo hướng dẫn của Bộ LĐTBXH và Bộ GD&ĐT. Hàng năm, công tác báo cáo kết quả tuyển sinh đảm bảo kịp thời, theo quy định.

Hình thức tuyển sinh được thực hiện đa dạng, phổ biến theo nhiều kênh thông tin khác nhau như: Thông báo tuyển sinh rộng rãi trên các phương tiện truyền thông như Website, Fanpage, bảng tin nội bộ của Trường; gửi thông báo đến các cơ sở GD&ĐT trong tỉnh Cao Bằng, phát tờ rơi quảng cáo đến các Trung tâm GDNN-GDTX trong tỉnh.

Tham gia Phiên giao dịch việc làm tại các xã, Phường trong tỉnh, phát tờ rơi, tư vấn tuyển sinh trực tiếp giúp cho thí sinh và phụ huynh lựa chọn đúng ngành, nghề đào tạo nhằm phát huy năng lực và sở trường của người học.

Hằng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh theo quy định.

Hồ sơ đăng ký xét tuyển được quy định, thông báo rõ ràng. Kết quả xét thí sinh trúng tuyển được Hội đồng tuyển sinh tổ chức xét tuyển, ra quyết định. Hồ sơ thí sinh trúng tuyển nhập học được Ban Thư ký kiểm tra rà soát đầy đủ và đúng quy chế.

Tổng hợp kết quả tuyển sinh trình độ trung cấp ngành Trồng trọt năm 2025 như sau:

TT	Năm tuyển sinh	Chỉ tiêu được giao	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1	2025	35	110	314,3%

Như vậy, kết quả tuyển sinh năm 2025 của nhà trường vượt chỉ tiêu theo kế hoạch được giao, do nhà trường đã dón chỉ tiêu của một số nghề khác không tuyển được vào nghề Trồng trọt.

Những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục làm tốt công tác tuyển sinh, đẩy mạnh công tác truyền thông đa kênh về tuyển sinh bằng nhiều hình thức, phong phú, đa dạng, thường xuyên, liên tục. Đồng thời tích cực tổ chức hoạt động tư vấn tuyển sinh kịp thời, phù hợp, tạo sự hấp dẫn, thu hút người học, sự quan tâm của xã hội. Tiếp tục khảo sát, tìm hiểu nhu cầu tuyển dụng lao động của HSSV sau khi tốt nghiệp, ra trường tại cơ quan, doanh nghiệp trong tỉnh và các khu công nghiệp nước ngoài đang hoạt động trong nước.

(1.3.03-Tờ rơi tư vấn tuyển sinh, Giới thiệu về trường năm 2025; Website: <https://truongcaodangcaobang.edu.vn/>;

3.1.01-Giấy chứng nhận số 601/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH, ngày 27 tháng 4 năm 2020 về việc đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; Quyết định số 79/QĐ-CĐCB, ngày 07/5/2025 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm 2050;

3.1.02-Quyết định số 89/QĐ-CĐCB Về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh Trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2025;

3.1.03-Quyết định số 388/QĐ-CĐCB về việc công nhận thí sinh trúng tuyển hệ chính quy, trình độ cao đẳng đợt 1, năm 2025; Quyết định số 448/QĐ-CĐCB, ngày 29/9/2025 về

công nhận thí sinh trúng tuyển hệ chính qui, trình độ Trung cấp đợt 2, năm 2025;

3.1.04- Kế hoạch số 72/QĐ-CĐCB, ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc ban hành kế hoạch tuyển sinh năm học 2025-2026; Thông báo số 81/TB-CĐCB Tuyển sinh trình độ trung cấp, sơ cấp năm học 2025 – 2026;

3.1.05-Báo cáo số 706 Lấy ý kiến phản hồi của nhà giáo và nhân viên về công tác tuyển sinh năm 2025; Báo cáo số 707 kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học đầu khóa năm học 2025 – 2026; Biên bản giao nhận hồ sơ hệ Trung cấp ngày 13 tháng 10 năm 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.1, tiêu chí 3: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 3.2: Các phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung, mục tiêu của từng mô đun, môn học để góp phần đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện quy chế đào tạo của Trường về đào tạo theo niên chế, theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ

Giáo viên bộ môn căn cứ vào nội dung chương trình đào tạo nghề Trồng trọt chủ động xây dựng giáo án, bài giảng, chuẩn bị trang thiết bị để ứng dụng phương pháp giảng dạy tích cực, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học. Sử dụng tài liệu phát tay kết hợp giảng dạy theo hướng tích cực hóa người học; tổ chức dạy học theo hướng hoạt động nhóm dưới sự điều khiển của giáo viên..để khuyến khích phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học.

Khoa thực hiện việc đánh giá phương pháp giảng dạy của giáo viên khi kết thúc các môn học/mô đun và sơ kết học kỳ thông qua người học, định kỳ đánh giá giáo viên thông qua cán bộ quản lý và đồng nghiệp.

(1.2.02-QT.54/TTTS06;

3.2.01-Quyết định số 386/QĐ-CĐCB ngày 22 tháng năm 2025 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng hệ chính qui theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ;)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.2, tiêu chí 3: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 3.3: Các hoạt động dạy và học phát huy tính tích cực, tự giác, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở kế hoạch và tiến độ đào tạo của Nhà trường, Khoa nghề xây dựng kế hoạch giáo viên và môn học để tổ chức giảng dạy. Trên cơ sở đó giáo viên chủ động xây dựng giáo án, bài giảng, chuẩn bị trang thiết bị để ứng dụng phương pháp giảng dạy tích

cực, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học... để khuyến khích phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học.

Bộ môn thực hiện việc đánh giá phương pháp giảng dạy của giáo viên khi kết thúc các môn học/mô đun và sơ kết học kỳ thông qua người học, định kỳ đánh giá giáo viên thông qua cán bộ quản lý và đồng nghiệp.

(1.2.02-QT.54/TTTS06;

3.1.01-Kế hoạch giáo viên năm học 2025-2026;

3.2.01-Quyết định số 386/QĐ-CĐCB ngày 22 tháng năm 2025 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng hệ chính qui theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ;

3.2.02-CTĐT nghề Trồng trọt.)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.3, tiêu chí 3: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 3.4: Trường phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn người học thực hành, thực tập tại nơi làm việc

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các hoạt động đào tạo của Nhà trường được thực hiện theo mục tiêu, nội dung CTĐT đã được phê duyệt:

Nhà trường tuyệt đối tuân thủ triển khai hoạt động đào tạo dựa trên các chương trình đã được Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội chính thức phê duyệt.

Các ngành, nghề mà Nhà trường tuyển sinh và đào tạo đều được xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT, quy trình xây dựng CTĐT này được thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo tính thống nhất và chất lượng cho tất cả các ngành nghề mà Nhà trường cung cấp, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế của thị trường lao động.

Để đảm bảo HSSV có kiến thức lý thuyết vững chắc và kỹ năng thực hành thành thạo, Trường đã xây dựng CTĐT tích hợp lý thuyết và thực hành trong từng MĐ/MH. HSSV sẽ được thực hành trực tiếp tại các phòng thí nghiệm, phòng thực hành của Trường. Các CTĐT của Trường đều chú trọng đến trải nghiệm thực tế bằng cách đưa mô đun thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp vào chương trình học. Nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho HSSV Nhà trường đã chủ động thiết lập quan hệ đối tác và ký kết hợp đồng/biên bản thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp uy tín, mở ra cơ hội thực hành và thực tập phong phú tại các đơn vị sử dụng lao động. Trong suốt quá trình thực tập tại doanh nghiệp, HSSV sẽ nhận được sự hướng dẫn tận tình từ các cán bộ giàu kinh nghiệm. Họ sẽ được đào tạo về mọi mặt, từ việc chấp hành nghiêm chỉnh nội quy và kỷ luật lao động, đến việc thực hành các kỹ năng nghề nghiệp chuyên môn và làm quen với việc vận hành các loại máy móc thiết bị hiện đại. Nhờ đó, HSSV có cơ hội nâng cao tay nghề và phát triển các kỹ năng chuyên môn một cách toàn diện.

Hàng năm, Trường xây dựng kế hoạch thực tập chi tiết dựa trên các biên bản đã ký kết với doanh nghiệp và tiến độ đào tạo của từng khóa học. Kế hoạch này được thông báo đến các khoa, bộ môn và toàn thể học sinh. Nhà trường tiến hành lập danh sách HSSV tham gia thực tập, đồng thời cử giáo viên phụ trách hướng dẫn, theo dõi sát sao quá trình thực tập của HSSV theo đúng đề cương đã được phê duyệt. Quyết định về việc cử HSSV và giáo viên hướng dẫn thực tập tại các doanh nghiệp cũng được ban hành một cách chính thức. Sau khi hoàn thành thời gian thực tập, mỗi HSSV đều phải nộp báo cáo chi tiết về kết quả đạt được, kèm theo đó là đánh giá và xác nhận từ kỹ thuật viên hoặc cán bộ hướng dẫn trực tiếp tại doanh nghiệp.

(3.4.01-Kế hoạch số 01/KH-KNL, ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc thực tập tốt nghiệp các lớp Khuyến nông lâm, trồng trọt, chăn nuôi thú y K19;

3.4.02-Quyết định số 29/QĐ-CĐCB, ngày 11 tháng 4 năm 2025 về việc điều động học sinh lớp TT.K19.HA, TT.K19.BLAC thực tập tốt nghiệp;

3.4.03-Danh sách giáo viên hướng dẫn thực tập tốt nghiệp lớp TT.K19.HA, TT.K19.BLAC;

3.4.04-Đề cương thực tập tốt nghiệp lớp TT.K19.HA, TT.K19.BLAC; Quyết định kèm theo danh sách HSSV đi thực tập tại doanh nghiệp năm học 2024-2025;

3.4.05-Báo cáo thực tập tốt nghiệp lớp TT.K19.HA, TT.K19.BLAC.)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.4, tiêu chí 3: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 3.5: Trường xây dựng, ban hành quy trình và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng cho người tốt nghiệp bảo đảm công bằng, minh bạch; hồ sơ lưu trữ đầy đủ, rõ ràng

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã xây dựng và ban hành hệ thống quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp nhằm đảm bảo toàn bộ hoạt động dạy – học được triển khai thống nhất, minh bạch và phù hợp với mục tiêu đào tạo của từng ngành nghề. Các văn bản quy định được ban hành dựa trên cơ sở pháp lý của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, đồng thời được rà soát, cập nhật định kỳ để đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá.

Quy trình tổ chức thi tốt nghiệp được bộ môn, Khoa nghề và Hội đồng thi của Nhà trường thực hiện nghiêm túc, khách quan từ việc tổ chức thi, ra đề thi, coi thi, chấm thi, tổng hợp và thông báo kết quả, các bài thi viết được đọc phách, do 2 giáo viên chấm độc lập, thi vấn đáp do 2 giáo viên phỏng vấn. Các bài thi thực hành đều có mã hóa sản phẩm, có biên bản chấm.

(1.2.02-QT.54/TTTS06;

3.2.01-Quyết định số 386/QĐ-CĐCB ngày 22 tháng 4 năm 2025 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hệ chính quy theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun, tín chỉ; 3.5.01-Quyết định số 66/QĐ-CĐCB về việc ban hành Quy chế thi kết thúc học phần, môn học, thi tốt nghiệp đối với trình độ trung cấp, cao đẳng chính quy đào tạo theo niên chế.

3.5.02-Biên bản họp Hội đồng xét tốt nghiệp; Quyết định số 331/QĐ-CĐCB công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp cho học sinh K19 (đợt 1); Danh sách người học được công nhận tốt nghiệp đợt 1; Quyết định số 369/QĐ-CĐCB công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp cho học sinh K19 (đợt 2); Danh sách người học được công nhận tốt nghiệp đợt 2.)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.5, tiêu chí 3: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 3.6: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các mục tiêu dạy và học

Mô tả, phân tích, nhận định:

Về công tác kiểm tra, thi và đánh giá kết quả học tập, nhà trường áp dụng đa dạng các hình thức kiểm tra nhằm đánh giá toàn diện năng lực người học, bao gồm: Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, thi kết thúc mô-đun/môn học, đánh giá bằng sản phẩm, bài tập và đánh giá thực hành nghề. Các quy trình tổ chức thi, chấm thi, lưu trữ bài thi, biên bản được quy định rõ ràng nhằm bảo đảm tính khách quan, chính xác và minh bạch trong đánh giá kết quả học tập.

Thông qua việc xây dựng và áp dụng đầy đủ các quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp cùng với việc triển khai các phương pháp đào tạo đa dạng, nhà trường đảm bảo hoạt động đào tạo diễn ra đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với đặc điểm từng chương trình đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng dạy học và kết quả đầu ra của người học.

Công tác đánh giá rèn luyện được triển khai theo bộ tiêu chí cụ thể, công khai, có sự tham gia của cố vấn học tập, khoa chuyên môn và Phòng Đào tạo & Công tác HSSV. Quy trình đánh giá rèn luyện được triển khai theo từng học kỳ, đảm bảo khách quan, minh bạch và có minh chứng.

(1.2.02-QT.54/TTTS06;

3.2.01-Quyết định số 386/QĐ-/CĐCB ngày 22 tháng 4 năm 2025 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hệ chính quy theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun, tín chỉ;

3.6.01-Danh sách các phương pháp đánh giá kết quả của người học.)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.6, tiêu chí 3: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 3.7: Kết quả kiểm tra, đánh giá người học được tổng hợp, phân tích và phản hồi kịp thời để cải thiện việc giảng dạy, học tập

Mô tả, phân tích, nhận định:

Kết quả các kỳ kiểm tra – đánh giá, từ ý kiến phản hồi của người học và đội ngũ nhà giáo được xử lý, tổng hợp, phân tích khách quan, làm cơ sở quan trọng để Nhà trường thực hiện điều chỉnh, bổ sung công cụ đánh giá, cải tiến cấu trúc đề và phương pháp kiểm tra. Nhờ đó, quy trình đánh giá ngày càng phù hợp hơn với chuẩn đầu ra, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng học tập và rèn luyện của người học.

(1.2.02-QT.54/TTTS06;

3.7.01-Bảng điểm kết quả học tập của môn học/mô đun, học kỳ, toàn khóa lớp KNL.K19.TK;

3.7.02-Báo cáo số 691/BC-CĐCB, ngày 12 tháng 12 năm 2025 về việc tổng kết năm học 2024 – 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2025-2026.)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.7, tiêu chí 3: 2,5 điểm

3.2.4. Tiêu chí 4 – Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động

Trường Cao đẳng Cao Bằng đã thực hiện đầy đủ các quy định về sử dụng, quy hoạch và đánh giá, phân loại đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động theo các quy định hiện hành. Mọi hoạt động của trường đều được thực hiện minh bạch, công khai và khách quan, tạo một môi trường làm việc chuyên nghiệp và hiệu quả.

Nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo tại Trường Cao đẳng Cao Bằng. Kế thừa đội ngũ giáo viên từ Trường Trung cấp Nghề Cao Bằng, Khoa Nông lâm có một đội ngũ giảng viên, giáo viên có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm thực tiễn, có năng lực sư phạm tốt và luôn đổi mới phương pháp giảng dạy. Khoa đã bố trí, sử dụng viên chức, người lao động phù hợp với chuyên môn được đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	15 điểm
Tiêu chuẩn 4.1	2,5
Tiêu chuẩn 4.2	2,5
Tiêu chuẩn 4.3	2,5
Tiêu chuẩn 4.4	2,5
Tiêu chuẩn 4.5	2,5
Tiêu chuẩn 4.6	2,5

Tiêu chuẩn 4.1: *Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn, đáp ứng được yêu cầu chương trình đào tạo và các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy tại Khoa nông lâm đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo các quy định hiện hành, đặc biệt là Thông tư số 05/2024/TT-BLĐT BXH. Đội ngũ nhà giáo được bố trí phù hợp với nghề đào tạo của trường. 100% giảng viên, giáo viên đều có trình độ đại học trở lên, đúng chuyên ngành đào tạo, đồng thời đã được bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm theo quy định.

Về nghiệp vụ sư phạm: 100% giảng viên, giáo viên có chứng chỉ sư phạm.

Về trình độ đào tạo:

- Thạc sĩ: 06 người

- Đại học: 04 người

Chuyên môn: 100% phù hợp với các nghề Khoa đang đào tạo

Trình độ ngoại ngữ: 100% giảng viên, giáo viên có chứng chỉ Anh văn

Trình độ Tin học: 100% giảng viên, giáo viên có chứng chỉ tin học

Ngoài các chuẩn về chuyên môn và nghiệp vụ, giáo viên cần tuân thủ các quy định và chuẩn hiện hành khác do Bộ hoặc các cơ quan chức năng ban hành. Trường thiết lập quy trình kiểm tra và đánh giá định kỳ để đảm bảo rằng giảng viên, giáo viên luôn đạt chuẩn và đáp ứng các yêu cầu về chuyên môn và nghiệp vụ.

Trong năm học, Nhà trường thực hiện việc kiểm tra hồ sơ chuyên môn đột xuất và định kỳ theo quy định, nhằm đảm bảo rằng giảng viên, giáo viên của Trường đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm theo quy định, giảng viên, giáo viên dạy thực hành đạt chuẩn về kỹ năng thực hành nghề theo quy định.

(1.2.02-QT.54/TTTS06;

4.1.01-Danh sách trích ngang cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên Khoa Nông lâm năm học 2025-2026;

4.1.02-Hồ sơ của cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên Khoa Nông lâm 2025-2026.)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.1, tiêu chí 4: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 4.2: Đội ngũ nhà giáo được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm. Bảo đảm tất cả các mô đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo giảng dạy; bảo đảm tỷ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Nghị định 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; Thông tư số 05/2023/BLĐTBXH ngày 15/6/2023 của BLĐTBXH ban hành danh mục ngành/nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng. Tỷ lệ HSSV/nhà giáo thuộc các ngành/nghề của Khoa đảm bảo đúng quy định.

Tổng số giảng viên, giáo viên của Khoa tham gia giảng dạy nghề Trồng trọt năm học 2025 – 2026: 07 người.

Số lượng học sinh: 178 học sinh

Khoa đảm bảo số lượng giảng viên, giáo viên cơ hữu (giảng viên, giáo viên làm việc toàn thời gian) đủ để đảm nhận khối lượng chương trình đào tạo của nghề Trồng trọt. Điều này bao gồm việc giảng dạy các môn học lý thuyết, thực hành và hướng dẫn nghiên cứu. Số lượng giảng viên, giáo viên cơ hữu đáp ứng các quy định hiện hành về tỷ lệ giữa giảng viên, giáo viên và HSSV đảm bảo rằng HSSV nhận được sự hỗ trợ và hướng dẫn đầy đủ trong quá trình học tập.

(3.1.03-Quyết định số 448/QĐ-CĐCB, ngày 29/9/2025 về công nhận thí sinh trúng tuyển hệ chính qui, trình độ Trung cấp đợt 2, năm 2025;

3.3.01-Kế hoạch giáo viên năm học 2025-2026;

4.2.01-Bảng tổng hợp giờ giảng của giáo viên Khoa nông lâm năm học 2024-2025;

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.2, tiêu chí 4: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 4.3: Có kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo bảo đảm về số lượng và

chất lượng để thực hiện chương trình đào tạo. Nhà giáo tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT- BLĐTBXH quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; Thông tư số 28/2022/TT-BLĐ TBXH ngày 28 tháng 12 năm 2022 sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng và chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; Thông tư số 4083/VBHN-BLĐ TBXH ngày 30 tháng 8 năm 2024 quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Theo Điều 4 của Thông tư số 4083/VBHN-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, nhà trường xác định rõ việc phát triển năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp là một nội dung quan trọng trong chế độ làm việc chính thức của giảng viên, giáo viên. Theo quy định giảng viên, giáo viên được bố trí thời gian nhất định trong quỹ thời gian làm việc để tham gia học tập, bồi dưỡng, thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ... nhằm cập nhật kiến thức mới, công nghệ mới phục vụ trực tiếp cho công tác giảng dạy. Đây được xem là nhiệm vụ bắt buộc và có tính chu kỳ để đảm bảo tính thực tiễn, hiện đại và thích ứng của chương trình đào tạo với nhu cầu xã hội.

Nhà trường đã cụ thể hóa điều khoản này bằng việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ định kỳ, phối hợp với các doanh nghiệp, đơn vị đào tạo kỹ năng để tổ chức thực tập thực tế cho giảng viên, giáo viên. Đồng thời, trường cũng có chính sách khuyến khích giảng viên, giáo viên tự học, tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu hoặc chương trình trao đổi chuyên môn.

Chính sách khuyến khích nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ của Trường Cao đẳng Cao Bằng mang lại những tác động tích cực và sâu rộng đến hiệu quả, chất lượng đào tạo.

Đầu năm học, Nhà trường có định hướng nội dung nghiên cứu khoa học, tập trung vào các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nhà trường; tiến hành khảo sát lấy ý kiến góp ý của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên, nhân viên cho dự thảo quy định liên quan tới hoạt động khoa học và công nghệ nhằm nâng cao chất lượng hoạt động NCKH về chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia NCKH, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo của nhà trường.

Trong năm học 2025–2026, 09/10 giảng viên, giáo viên Khoa Nông lâm tham gia 04 đề tài nghiên cứu khoa học, 02 thiết bị đào tạo tự làm, 02 giáo viên tham gia tập huấn ứng dụng công nghệ AI, 04 giảng viên, giáo viên tham gia bồi dưỡng “Đào tạo kỹ thuật nuôi cấy mô, tế bào thực vật”

(1.2.02-QT.54/TTTS06;

4.1.01-Danh sách trích ngang giáo viên, người lao động Khoa Nông lâm năm học 2025- 2026;

4.3.01-Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng viên chức năm 2025;

4.3.02-Công văn số 276/CĐCB-ĐT, ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc danh sách đăng ký tham gia lớp bồi dưỡng ứng dụng AI; Quyết định số 577/QĐ-CĐCB, ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc cử giáo viên đi học tập bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghề trồng trọt, chuyên đề “Đào tạo kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật”;

4.3.03-Hình ảnh giáo viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng;

4.3.04-Danh sách nhà giáo cơ hữu Khoa Nông lâm giảng dạy các môn chuyên môn nghề tham gia nghiên cứu khoa học, thiết bị đào tạo tự làm.)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.3, tiêu chí 4: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 4.4: Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của nhà giáo được xác định có tính hệ thống, có kế hoạch và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu. Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của chương trình đào tạo

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo. Phòng Tổ chức - Hành chính đã tổng hợp nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của đội ngũ giảng viên, giáo viên trong toàn trường, trình sở Giáo dục – Đào tạo để đội ngũ nhà giáo được tham gia học tập bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Căn cứ vào kế hoạch và nhu cầu đã được phê duyệt, Hiệu trưởng ra quyết định cử đội ngũ giảng viên, giáo viên đi học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ. Những chính sách này được quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy định chế độ làm việc của giảng viên, giáo viên, tùy theo các loại hình đào tạo, bồi dưỡng khác nhau sẽ được Nhà trường xem xét hỗ trợ thời gian làm việc và học phí, mức hỗ trợ tùy theo từng đối tượng hoặc có cơ chế hỗ trợ tài chính và thời gian. Trong thời gian đi học Nhà trường sẽ tạo điều kiện sắp xếp kế hoạch tiến độ cụ thể để giảng viên, giáo viên có thể đạt được kết quả tốt nhất.

(1.2.02-QT.54/TTTS06;

4.3.01-Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng viên chức năm 2025;

4.3.02-Công văn số 276/CĐCB-ĐT, ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc danh sách đăng ký tham gia lớp bồi dưỡng ứng dụng AI; Quyết định số 577/QĐ-CĐCB, ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc cử giáo viên đi học tập bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghề trồng trọt, chuyên đề “Đào tạo kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật”;

4.3.03-Hình ảnh giáo viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng;

4.3.04-Danh sách nhà giáo Khoa Nông lâm giảng dạy các môn chuyên môn nghề tham gia nghiên cứu khoa học, thiết bị đào tạo tự làm.)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.4, tiêu chí 4: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: Đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trong xây dựng, tổ chức triển khai chương trình đào tạo; định kỳ được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ theo các quy định tại Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH (nay được hợp nhất trong Thông tư số 1550/VBHN-BLĐTBXH và Thông tư số 1549/VBHN-BLĐTBXH ngày 12/4/2024), Trường Cao đẳng Cao Bằng đã tổ chức, quản lý và sử dụng đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động theo đúng các tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực thực hiện nhiệm vụ được giao.

Đội ngũ cán bộ quản lý của Khoa được bổ nhiệm, đánh giá và giám sát thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định về chức năng, quyền hạn, trách nhiệm trong công tác quản trị, điều hành hoạt động đào tạo và quản lý Khoa.

(4.1.01-Danh sách trích ngang cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên Khoa Nông lâm năm học 2025-2026; Hồ sơ của cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên Khoa Nông lâm;

4.3.02-Công văn số 276/CĐCB-ĐT, ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc danh sách đăng ký tham gia lớp bồi dưỡng ứng dụng AI; Quyết định số 577/QĐ-CĐCB, ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc cử giáo viên đi học tập bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghề trồng trọt, chuyên đề "Đào tạo kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật;

4.5.01-Danh sách giảng viên, giáo viên Khoa Nông lâm được cử đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ năm 2025;

4.5.02-Báo cáo Khoa nông lâm năm học 2024-2025)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.5, tiêu chí 4: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: *Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. Thực hiện chính sách khuyến khích đối với nhà giáo, cán bộ quản lý có thành tích để cải tiến liên tục chất lượng của chương trình đào tạo*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để nâng cao chất lượng giảng dạy và năng lực đội ngũ, Trường Cao đẳng Cao Bằng đã triển khai các chính sách thiết thực khuyến khích giảng viên, giáo viên học tập, tự bồi dưỡng, không ngừng hoàn thiện về chuyên môn và đổi mới phương pháp giảng dạy. Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng định kỳ hàng năm, gắn với yêu cầu thực tiễn giảng dạy và định hướng phát triển của từng ngành nghề. Các nhà giáo được khuyến khích đăng ký tham gia các khóa học nâng cao trình độ, các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng dạy học tích hợp và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy. Những hoạt động này không chỉ được hỗ trợ về mặt thời gian mà còn được tạo điều kiện tối đa về cơ chế tài chính, biểu dương khen thưởng, qua đó nâng cao tinh thần chủ động học tập, nghiên cứu trong đội ngũ giảng viên, giáo viên.

Nhà trường có chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đổi mới phương pháp giảng dạy. Nhằm khuyến khích giảng viên, giáo viên tham gia học tập bồi dưỡng, Phòng Tổ chức - Hành chính đã tổng hợp nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên, người lao động trong toàn trường, lên kế hoạch cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhà

giáo và người lao động được tham gia học tập bồi dưỡng. Căn cứ vào kế hoạch và nhu cầu đã được phê duyệt, Hiệu trưởng ra quyết định cử đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và người lao động đi học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ. Những chính sách này được quy định tại Quy chế thu chi nội bộ và Quy định chế độ làm việc của giảng viên, giáo viên, như: hỗ trợ kinh phí, học phí cho cán bộ, nhà giáo và người lao động học Thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành đang giảng dạy/làm việc; giảng viên, giáo viên đi học chuyên môn nghiệp vụ được hưởng nguyên lương và hỗ trợ chi phí học tập, chi phí tài liệu và các chế độ khác của trường. Ngoài ra còn tùy theo các loại hình đào tạo, bồi dưỡng khác nhau sẽ được Nhà trường xem xét hỗ trợ thời gian làm việc và học phí, mức hỗ trợ tùy theo từng đối tượng hoặc có cơ chế hỗ trợ tài chính và thời gian, bao gồm quy đổi giờ dạy cho giảng viên, giáo viên được cử đi học tập, bồi dưỡng. Trong thời gian đi học Nhà trường tạo điều kiện sắp xếp kế hoạch tiến độ cụ thể để giảng viên, giáo viên có thể đạt được kết quả tốt nhất

(4.6.01-Quyết định số 201/QĐ-CĐCB, ngày 29 tháng 5 năm 2025 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025;

4.6.02-Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức Khoa Nông lâm được hưởng chế độ chính sách năm 2024;

4.6.03-Quyết định số 350/QĐ-CĐCB, ngày 01 tháng 8 năm 2025 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo Trường Cao đẳng Cao Bằng; Quyết định số 350/QĐ-CĐCB, ngày 01 tháng 8 năm 2025 ban hành Quy chế tiền thưởng năm 2025;

4.6.04-Quyết định số 238/QĐ-CĐCB, ngày 06 tháng 6 năm 2025 về việc Biểu dương, khen thưởng các cá nhân có thành tích cao năm học 2024–2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.6, tiêu chí 4: 2,5 điểm

3.2.5. Tiêu chí 5 – Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và học liệu

Khoa Nông lâm trực thuộc Trường Cao đẳng Cao Bằng (cơ sở 2) có địa chỉ tại Phố A, xã Hoà An, tỉnh Cao Bằng. Khoa có khuôn viên rộng rãi và được quy hoạch hợp lý, hệ thống cơ sở vật chất đạt tiêu chuẩn và đầy đủ trang thiết bị đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập. Khoa được trang bị đầy đủ phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh, sinh viên và các nghiên cứu của nhà giáo. Tất cả đều được xây dựng khoa học, hợp lý và phù hợp với hoạt động đào tạo. Cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ đào tạo, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, đều có quy định cụ thể về trách nhiệm cá nhân, đơn vị quản lý.

Trong những năm gần đây, cơ sở vật chất, thiết bị có nhiều hạng mục hư hỏng, xuống cấp do thời gian sử dụng đã lâu. Nhà trường đã tập trung cải tạo, tu bổ các khu giảng đường, thư viện, mua mới, nâng cấp trang thiết bị; cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo; cải tạo cảnh quan môi trường, bảo đảm về sức khỏe, an toàn, an ninh, trật tự cho nhà giáo, nhân viên và HSSV.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	12,5 điểm

Tiêu chuẩn 5.1	2,5
Tiêu chuẩn 5.2	2,5
Tiêu chuẩn 5.3	2,5
Tiêu chuẩn 5.4	2,5
Tiêu chuẩn 5.5	0
Tiêu chuẩn 5.6	2,5

Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng học chuyên môn hóa, khu vực thực hành, thực nghiệm bảo đảm quy chuẩn và tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, các yêu cầu công nghệ và bền vững môi trường. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai bao gồm cả các nhu cầu, điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật và không phân biệt đối xử về giới

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khoa Nông lâm có đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ đáp ứng nhu cầu đào tạo và các hoạt động khác. Khu học tập và nghiên cứu khoa học gồm phòng học lý thuyết, phòng thực hành, phòng thí nghiệm được trang bị đầy đủ thiết bị giảng dạy theo yêu cầu từng ngành, đáp ứng điều kiện rèn luyện kỹ năng thực tế, đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định. Khoa có 04 phòng lý thuyết, 05 phòng thực hành thực hành, 01 nhà chăn nuôi, 01 nhà lưới trồng rau công nghệ cao, 01 nhà nhân giống cây trồng, 01 kho lạnh bảo quản nông sản. Các phòng học lý thuyết, phòng thực hành chuyên môn được sử dụng đúng mục đích, tuân thủ quy định hiện hành, khai thác hiệu quả các phòng học, đảm bảo phục vụ tốt nhất cho hoạt động đào tạo.

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định về an ninh trật tự, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống tai nạn và cháy nổ. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phòng thực hành, nhà vệ sinh và khu vui chơi được trang bị phù hợp với sức khỏe và độ tuổi của HSSV, đảm bảo an toàn cho việc học tập, sinh hoạt.

Khi tuyển sinh vào học tại Trường tất cả HSSV đều được tôn trọng, đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân. Tất cả HSSV đều được tự vẫn lựa chọn nghề phù hợp với khả năng, sở thích; được tham gia các hoạt động phong trào theo năng lực sở trường; được chăm sóc sức khỏe theo quy định.

(1.2.02-QT.54/TTTS06;

5.1.01-Sổ quản lý tài sản cố định năm 2025;

5.1.02-Thông báo tuyển sinh năm 2025;

5.1.03-Biểu thống kê cơ sở vật chất năm 2025.)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.1, tiêu chí 5: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5.2: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đầy đủ về số lượng, chủng loại và đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo của Khoa hiện có đáp ứng đầy đủ về số lượng, chủng loại, danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của nghề và quy mô đào tạo của chương trình đào tạo đảm bảo chất lượng trang thiết bị, dụng cụ, tài liệu cho các hoạt động thực hành về chủng loại, công năng, các yêu cầu kỹ thuật, vệ sinh và an toàn lao động.

Hàng năm, Nhà trường có thông kê số lượng người học theo từng lớp, từng nghề cụ thể của các chương trình đào tạo, đánh giá việc đáp ứng trang thiết bị đào tạo với quy định trong chương trình đào tạo.

(1.2.02-QT.54/TTTS06;

5.2.01-Danh mục thiết bị đào tạo nghề Trồng trọt;

5.2.02-Thống kê số lượng người học lý thuyết và thực hành của các môn học/mô đun nghề Trồng trọt;

5.2.03-Kế hoạch giảng dạy theo tuần Trường Cao đẳng Cao Bằng.)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.2, tiêu chí 5: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe và vệ sinh môi trường

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các thiết bị đào tạo của Khoa hiện có đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của nghề Trồng trọt và quy mô đào tạo của chương trình đào tạo đảm bảo chất lượng trang thiết bị, dụng cụ, tài liệu cho các hoạt động thực hành về chủng loại, công năng, các yêu cầu kỹ thuật, vệ sinh và an toàn lao động.

Để quản lý, sử dụng thiết bị đào tạo hiệu quả tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí, phát huy quyền làm chủ, dân chủ, công khai tăng cường công tác giám sát nội bộ, nâng cao tinh thần trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong công tác quản lý, sử dụng tài sản công. Năm 2025, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy định quản lý, sử dụng tài sản công và Quy trình quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị nhằm tối ưu hóa việc khai thác và sử dụng cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

(1.2.02-QT.54/TTTS06;

5.2.01-Danh mục thiết bị đào tạo nghề Trồng trọt;

5.1.01-Sổ quản lý tài sản cố định năm 2025;

5.3.01- Hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo nghề Trồng trọt;

5.3.02- Hồ sơ thiết kế, lắp đặt, quản lý các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo nghề Trồng trọt;

5.3.03-Hồ sơ bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hàng năm.)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.3, tiêu chí 5: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5.4: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về quản lý, cấp phát và sử dụng vật tư đào tạo, chỉ đạo các đơn vị thực hiện đúng quy trình nhằm đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, tránh thất thoát, lãng phí và kịp thời đáp ứng kế hoạch, tiến độ đào tạo. Công tác quản lý vật tư được thực hiện theo định mức kinh tế - kỹ thuật của từng ngành nghề, phù hợp với quy định tại các Thông tư hướng dẫn của hệ thống giáo dục nghề nghiệp (GDNN).

Việc quản lý mua sắm, cấp phát và sử dụng vật tư đào tạo tuân theo quy trình chặt chẽ, công khai, minh bạch, đáp ứng đúng nhu cầu giảng dạy. Các đơn vị đề xuất vật tư theo từng học kỳ dựa trên kế hoạch đào tạo và định mức quy định, giúp chủ động tổ chức giảng dạy, tránh thiếu hụt hoặc chậm cấp phát. Việc cấp phát được thực hiện theo đề xuất đã phê duyệt, đảm bảo vật tư luôn sẵn sàng phục vụ hoạt động giảng dạy và thực hành.

Công tác mua sắm vật tư đào tạo tuân theo quy trình thống nhất, từ Lãnh đạo trường đến các phòng/khoa, đảm bảo đúng nguyên tắc và quy định. Phòng Tổ chức - Hành chính chịu trách nhiệm liên hệ nhà cung cấp, mua sắm theo đề xuất của các khoa. Việc cấp phát được quản lý chặt chẽ qua hồ sơ giao nhận, đảm bảo minh bạch và chính xác. Các khoa nghề sắp xếp vật tư ngăn nắp, gọn gàng, thuận tiện cho việc sử dụng và bảo quản. Nhà trường có kho riêng tại các khoa/bộ môn. Khi cấp phát cho các khoa/bộ môn, vật tư được lưu trữ trên giá, tủ, sắp xếp hợp lý, đảm bảo bảo quản tốt và duy trì tình trạng kỹ thuật. Các vật tư chưa sử dụng hoặc tái sử dụng được cất giữ đúng quy định, đảm bảo an toàn.

(1.2.02-QT.54/TTTS06;

5.4.01-Quy định mua sắm vật tư, thiết bị, bảo dưỡng thay mới thiết bị;

5.4.02-QT.29/P.TCHC08;

5.4.03-Đề xuất nguyên, nhiên, vật liệu năm học 2025-2026;

5.4.04-Kế hoạch giảng dạy của từng môn học/mô đun nghề Trồng trọt.)

Tiêu chuẩn 5.5: Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp; được cập nhật và áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học và các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo

Mô tả, phân tích, nhận định:

Theo Thông tư số 38/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực GDNN và không đáp ứng được yêu cầu của nội hàm tiêu chuẩn, Khoa tự đánh giá không đạt yêu cầu

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.5, tiêu chí 5: 0 điểm

Tiêu chuẩn 5.6: Thiết bị, dụng cụ đào tạo, các điều kiện đào tạo trực tuyến phù hợp và được cập nhật đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khoa Nông lâm được nhà trường trang bị 01 phòng học có máy tính, máy chiếu, camera đáp ứng điều kiện đào tạo trực tuyến theo môn học, mô đun.

Khoa có hệ thống mạng Internet hoạt động tốt đáp ứng được nhu cầu học tập, cập nhật thông tin, tìm kiếm, sưu tầm tài liệu của viên chức, nhà giáo và HSSV.

(5.6.01-Danh mục các phần mềm đào tạo trực tuyến;

5.6.02-Danh mục các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo trực tuyến)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.6, tiêu chí 5: 2,5 điểm

2.2.6. Tiêu chí 6 – Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Người học và hoạt động hỗ trợ người học có vai trò quan trọng trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Ngay từ thời điểm học sinh, sinh viên nhập học, nhà trường phổ biến đến HSSV về chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, mục tiêu đào tạo, các yêu cầu về chuyên môn của từng ngành nghề; phổ biến quy chế thi, kiểm tra đánh giá, điều kiện xét tốt nghiệp; nội dung các nội quy, quy chế của nhà trường; Quy chế học sinh sinh viên; Quy chế đánh giá điểm rèn luyện; Nghị định về chế độ chính sách của Nhà nước tới người học.

Nhà trường xác định rằng, việc đào tạo nghề không chỉ dừng lại ở việc trang bị kiến thức chuyên môn, mà còn phải chú trọng phát triển toàn diện người học. Do đó, bên cạnh giảng dạy lý thuyết và thực hành, nhà trường tổ chức đa dạng các hoạt động như: kết nối doanh nghiệp, thực tập nghề nghiệp, từ đó giúp HSSV hiểu rõ nhu cầu thị trường, nâng cao năng lực nghề nghiệp và khả năng thích ứng công việc sau tốt nghiệp.

Ngoài ra, công tác hỗ trợ người học còn được triển khai lồng ghép qua các môn học để rèn kỹ năng mềm như: Giao tiếp, quản lý thời gian, làm việc nhóm, kỹ năng xin việc,... và thông qua các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, ngoại khóa, thiện nguyện, giúp HSSV phát triển nhân cách, đạo đức, thể chất, tinh thần cống hiến và trách nhiệm xã hội.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	10 điểm
Tiêu chuẩn 6.1	2,5

Tiêu chuẩn 6.2	2,5
Tiêu chuẩn 6.3	2,5
Tiêu chuẩn 6.4	2,5

Tiêu chuẩn 6.1: Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ, công khai

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Cao Bằng công khai thông tin chi tiết về các ngành nghề đào tạo, mục tiêu đầu ra, cấu trúc chương trình, học phần, tín chỉ, kế hoạch đào tạo và kế hoạch phân bổ môn học theo từng học kỳ, năm học. Thực hiện và công khai các quy chế liên quan đến đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp để người học nắm rõ.

Nhà trường đã và đang triển khai đầy đủ các chế độ, chính sách đối với HSSV theo quy định hiện hành, bao gồm: Chế độ chính sách nội trú Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp, chính sách trợ cấp xã hội Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập, chính sách miễn giảm học phí; Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Các chế độ, chính sách về học phí, hỗ trợ học tập, khen thưởng, và các quy định khác liên quan đến người học đều được công khai đầy đủ, đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của người học tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình học tập bên cạnh đó cũng đảm bảo tính minh bạch trong công tác quản lý, đào tạo của trường.

(3.2.01-Quyết định số 386/QĐ-CĐCB ngày 22 tháng năm 2025 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng hệ chính qui theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ;

3.5.02-Quyết định số 66/QĐ-CĐCB về việc ban hành Quy chế thi kết thúc học phần, môn học, thi tốt nghiệp đối với trình độ trung cấp, cao đẳng chính quy đào tạo theo niên chế;

6.1.01-Nghị định số 238/NĐ-CP, ngày 3 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học tập; hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp, chính sách trợ cấp xã hội; Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập, chính sách miễn giảm học phí;

6.1.02-Quyết định ban hành Quy chế công tác Quản lý học sinh, sinh viên Ký túc xá Trường Cao đẳng Cao Bằng;

6.1.03-Hướng dẫn số 94/HD-CĐCB về việc Thực hiện xét các chế độ chính sách cho học sinh, sinh viên)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.1, tiêu chí 6: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 6.2: Người học được bảo đảm hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, trong đó có chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường tổ chức triển khai thực hiện các quy định của Nhà nước về chính sách ưu đãi đối với người học thuộc các đối tượng chính sách như: HSSV là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hộ nghèo, cận nghèo, con mồ côi, người khuyết tật, người tốt nghiệp Trung học phổ thông dân tộc nội trú, học sinh tốt nghiệp THCS... Các chế độ bao gồm miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội, chính sách nội trú, hỗ trợ vay vốn HSSV, cùng nhiều chính sách ưu đãi khác theo quy định.

Phòng Đào tạo và Công tác HSSV ban hành thông báo hướng dẫn về việc thực hiện xét các chế độ chính sách cho học sinh, sinh viên. Thông báo nêu rõ những đối tượng được hưởng và kèm theo các loại giấy tờ biểu mẫu cần phải có cho từng loại đối tượng, thời gian nhận hồ sơ cũng như địa chỉ cần liên hệ khi HSSV có nhu cầu giải đáp thắc mắc. Cụ thể:

- Số học sinh được xét hưởng theo Nghị định 238/NĐ-CP ngày 3 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học tập; hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo nghề Trồng trọt là: 162 học sinh.

- Số học sinh được xét hưởng theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp, chính sách trợ cấp xã hội nghề Trồng trọt là: 109 học sinh.

- Số học sinh được xét hưởng theo Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập nghề Trồng trọt là: 33 học sinh.

Ngoài ra, Trường cũng thường xuyên cập nhật và phổ biến các quy định mới của Nhà nước liên quan đến chính sách cho HSSV thông qua nhiều hình thức: bảng tin trường, trang thông tin điện tử, nhóm lớp, email và trực tiếp tại văn phòng Phòng Đào tạo và Công tác HSSV. Ngoài ra, Phòng Đào tạo và Công tác HSSV giúp Hiệu trưởng thực hiện cấp Giấy xác nhận HSSV; Giấy Vay vốn tín dụng cho HSSV...

(6.1.02-Hướng dẫn số 94/HD-CĐCB về việc Thực hiện xét các chế độ chính sách cho học sinh, sinh viên;

6.1.01-Nghị định số 238/NĐ-CP, ngày 3 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học tập; hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg về chính

sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp, chính sách trợ cấp xã hội; Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập, chính sách miễn giảm học phí;

6.2.01-Danh sách khen thưởng HSSV đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện;

6.2.02-Danh sách học sinh được hưởng chế độ miễn giảm học phí, học kỳ I năm học 2025-2026; Danh sách học sinh được hưởng chính sách nội trú, học kỳ I năm học 2025-2026; Danh sách học sinh được hưởng trợ cấp xã hội, học kỳ I năm học 2025-2026;

6.2.03-Quyết định số 08/QĐ-CĐCB, ngày 08 tháng 8 năm 2025 về việc chi trả chế độ cho học sinh học kỳ I, năm học 2025-2026;

6.2.04-Báo cáo số 691/BC-CĐCB, ngày 12 tháng 12 năm 2025 về việc tổng kết năm học 2024-2025 phương hướng nhiệm vụ năm học 2025-2026)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.2, tiêu chí 6: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 6.3: Người học được tư vấn học tập, tạo điều kiện tham gia các hoạt động ngoại khóa, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, tư vấn về thị trường lao động, việc làm và phát triển nghề nghiệp

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp để mở rộng nguồn lực hỗ trợ người học,. Để HSSV yên tâm trong việc học tập và tìm kiếm việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo sau khi tốt nghiệp, hằng năm nhà trường tổ chức các hoạt động đào tạo, trải nghiệm nghề nghiệp, ngoại khóa tại đơn vị doanh nghiệp để tư vấn hướng nghiệp và kết nối tuyển dụng dành cho HSSV. Tại các sự kiện này, HSSV không chỉ được tiếp cận thông tin tuyển dụng thực tế từ nhiều doanh nghiệp mà còn được giao lưu trực tiếp với nhà tuyển dụng, chuyên gia nhân sự để được tư vấn về xu hướng ngành nghề, yêu cầu tuyển dụng, đồng thời rèn luyện thêm các kỹ năng mềm quan trọng như kỹ năng phỏng vấn, viết CV, thuyết trình bản thân, kỹ năng làm việc trong môi trường chuyên nghiệp.

Không chỉ chú trọng đến đào tạo chuyên môn, nhà trường luôn chủ động tạo điều kiện, cơ hội để (HSSV được tham gia vào các hoạt động ngoại giờ lên lớp, giúp các em phát triển năng lực cá nhân, hình thành tư duy tích cực và xây dựng bản lĩnh sống lành mạnh, vì thế nhà trường đã bố trí khu vực sân bãi và các khu sinh hoạt chung để phục vụ hoạt động tập luyện văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao (VHVNTDĐT) cho HSSV nhà trường. Không gian sân trường, cây xanh, sân bóng chuyên, nhà đa năng... được thiết kế thuận tiện, an toàn, thân thiện với người học.

Ngay từ đầu năm học, Nhà trường đã chỉ đạo và giao nhiệm vụ cho tổ chức Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các Khoa xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động VHVNTDĐT và các hoạt động xã hội cho HSSV được tham gia. Các hoạt động trên là sân chơi bổ ích, lành mạnh giúp giáo dục tư tưởng chính trị, truyền thống văn hóa, lịch

sử; rèn luyện các kỹ năng mềm cho sinh viên, đồng thời tạo điều kiện giúp sinh viên được giao lưu với nhau sau những giờ học căng thẳng.

(6.3.01-Kế hoạch 01/ĐTN, ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc Tổ chức Hội thi văn nghệ “Giai điệu Tự hào - Sáng ngời niềm tin theo Đảng” chào mừng thành công đại hội Đảng bộ Trường CĐCB nhiệm kỳ 2025-2030; Kế hoạch số 24/KH-ĐTN, ngày 16 tháng 7 năm 2025 về việc tổ chức các hoạt động kỷ niệm 78 năm ngày Thương binh-Liệt sĩ; Kế hoạch số 569/TL-CĐCB, ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc Thể lệ hội diễn văn nghệ học sinh, sinh viên năm học 2025-2026 chào mừng ngày nhà giáo Việt nam 20-11 năm 2025; Kế hoạch số 30/KH-ĐTN, ngày 15 tháng 11 năm 2025 về việc ra quân ngày chủ nhật xanh lần VIII năm 2025;

6.3.02-Kế hoạch tư vấn, hướng nghiệp và giới thiệu việc làm năm 2025-2026; Thông báo tham gia tư vấn hướng nghiệp năm 2025; Danh sách tham gia tư vấn hướng nghiệp năm 2025; Báo cáo công tác tư vấn, hướng nghiệp và ngày hội việc làm năm 2025;

6.3.03-Hình ảnh tham gia các ngày hội việc làm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.3, tiêu chí 6: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 6.4: Các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, hoạt động phong trào và các dịch vụ hỗ trợ khác giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho người học sau tốt nghiệp. Môi trường và cảnh quan sư phạm tạo thuận lợi cho hoạt động học tập, rèn luyện và phát triển cá nhân của người học

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thông qua việc tổ chức các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, hoạt động phong trào, Nhà trường không chỉ tạo ra sân chơi lành mạnh, bổ ích, góp phần rèn luyện thể chất và nâng cao đời sống tinh thần cho HSSV, mà còn từ đó phát hiện, tập hợp và chọn lọc được những HSSV có năng khiếu nổi bật trong các lĩnh vực nghệ thuật, thể thao, những cá nhân có tố chất này sẽ được Nhà trường tạo điều kiện phát huy tối đa thể mạnh của bản thân, đồng thời góp phần làm phong phú và đa dạng hơn cho các phong trào hoạt động của trường, tạo nên một môi trường học đường năng động, sáng tạo và giàu tính nhân văn.

Bên cạnh các hoạt động văn nghệ thể dục thể thao, Nhà trường luôn chú trọng đến việc khuyến khích và vận động HSSV tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội nhằm giúp các em phát triển phẩm chất, năng lực, tinh thần trách nhiệm và ý thức cộng đồng.

Khuôn viên cây xanh của Trường được bố trí hợp lý, đảm bảo cảnh quan Nhà trường luôn khang trang, có môi trường xanh, sạch, đẹp.

Trường Cao đẳng Cao Bằng luôn chú trọng công tác đảm bảo an ninh trật tự trong khuôn viên trường, xem đây là nhiệm vụ quan trọng nhằm tạo dựng môi trường học tập an toàn, lành mạnh cho HSSV, phối hợp với các đơn vị trong trường, các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc triển khai, tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền pháp luật, phổ biến các quy định về an ninh - trật tự, phòng chống tội phạm, bạo lực học đường, tệ nạn

xã hội và an toàn giao thông cho HSSV nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tự bảo vệ bản thân và cộng đồng, tạo môi trường học tập và rèn luyện ổn định, an toàn và thân thiện

Hàng năm, Nhà trường lấy ý kiến người học về việc người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội, nghiên cứu khoa học và các hoạt động xã hội khác để phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực. Kết quả cho thấy người học hoàn toàn đồng ý.

(6.3.01-Kế hoạch 01/ĐTN, ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc Tổ chức Hội thi văn nghệ “Giai điệu Tự hào - Sáng ngời niềm tin theo Đảng” chào mừng thành công đại hội Đảng bộ Trường CĐCB nhiệm kỳ 2025-2030; Kế hoạch số 24/KH-ĐTN, ngày 16 tháng 7 năm 2025 về việc tổ chức các hoạt động kỷ niệm 78 năm ngày Thương binh-Liệt sĩ; Kế hoạch số 569/TL-CĐCB, ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc Thể lệ hội diễn văn nghệ học sinh, sinh viên năm học 2025-2026 chào mừng ngày nhà giáo Việt nam 20-11 năm 2025; Kế hoạch số 30/KH-ĐTN, ngày 15 tháng 11 năm 2025 về việc ra quân ngày chủ nhật xanh lần VIII năm 2025)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.4, tiêu chí 6: 2,5 điểm

2.2.7. Tiêu chí 7-Giám sát, đánh giá chất lượng

Trường Cao đẳng Cao Bằng triển khai hoạt động giám sát và đánh giá chất lượng đào tạo do Phòng Kiểm định và Đảm bảo chất lượng làm đầu mối thực hiện. Việc theo dõi, khảo sát và thu thập ý kiến người học và các bên liên quan được duy trì thường xuyên, bảo đảm cung cấp thông tin kịp thời và phản ánh đúng thực trạng chất lượng đào tạo của Nhà trường. Kết quả khảo sát được sử dụng để đánh giá mức độ đáp ứng của người học với yêu cầu tuyển dụng và làm căn cứ điều chỉnh hoạt động đào tạo.

Hàng năm, Nhà trường theo dõi và tổng hợp tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học của người học; tổ chức họp xét buộc thôi học, xét tốt nghiệp và công khai kết quả theo quy định. Kết quả theo dõi được sử dụng làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành chương trình đào tạo và hỗ trợ người học trong quá trình học tập.

Nhà trường thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo kế hoạch được phê duyệt và chuẩn bị điều kiện để tiến hành kiểm định chất lượng trong giai đoạn tiếp theo.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	12,5 điểm
Tiêu chuẩn 7.1	2,5
Tiêu chuẩn 7.2	2,5
Tiêu chuẩn 7.3	2,5
Tiêu chuẩn 7.4	2,5
Tiêu chuẩn 7.5	2,5
Tiêu chuẩn 7.6	0
Tiêu chuẩn 7.7	2,5

Tiêu chuẩn 7.1: Các chính sách, quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, ban hành chương trình đào tạo được xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát người học về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, ban hành chương trình đào tạo để đánh giá và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu người học và yêu cầu của thị trường lao động đạt chất lượng, hiệu quả

Hàng năm, Nhà trường lấy ý kiến người học và các bên liên quan về việc xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, ban hành chương trình đào tạo. Kết quả cho thấy người học hoàn toàn đồng ý.

(1.1.02-Quyết định số 302/QĐ-CĐCB, ngày 08 tháng 7 năm 2025 về việc Ban hành chương trình đào tạo;

2.1.01-Chương trình đào tạo nghề TrỒNG trọt đã được chỉnh sửa, cập nhật và bổ sung ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-CĐCB, ngày 08 tháng 7 năm 2025;

7.1.01-QT09/P.ĐT&CTHSSV09;

7.1.02-Kế hoạch số 444/KH-CĐCB, ngày 29 tháng 8 năm 2025 về việc Bảo đảm chất lượng năm học 2025-2026; Báo cáo đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2025; Quyết định số 589/QĐ-CĐCB ngày 12/11/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao Đẳng Cao Bằng ban hành Mục tiêu chất lượng và Chính sách chất lượng năm học 2025-2026 của Trường Cao đẳng Cao Bằng; Quyết định số 606/QĐ-CĐCB ngày 24/11/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao Đẳng Cao Bằng Về việc ban hành Sổ tay bảo đảm chất lượng của Trường Cao đẳng Cao Bằng; Quyết định số 606/QĐ-CĐCB ngày 24/11/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao Đẳng Cao Bằng Về việc ban hành Sổ tay bảo đảm chất lượng của Trường Cao đẳng Cao Bằng; Quyết định số 592/QĐ-CĐCB ngày 18/11/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao Đẳng Cao Bằng ban hành hệ thống Quy trình bảo đảm chất lượng năm 2025.).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.1, tiêu chí 7: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại các khu vực học tập, rèn luyện và các dịch vụ khác được giám sát, đánh giá và cải tiến

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã ban hành các quy định về quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị; phân công các đơn vị, bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm quản lý và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ. Các khu vực học tập, rèn luyện và các dịch vụ hỗ trợ được kiểm tra, giám sát định kỳ nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu đào tạo và điều kiện học tập của người học.

Công tác giám sát chất lượng dịch vụ được thực hiện thông qua các hoạt động kiểm tra định kỳ tình trạng phòng học, xưởng thực hành, trang thiết bị đào tạo, điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường và việc thực hiện các dịch vụ hỗ trợ người học. Các nội dung

giám sát được ghi nhận bằng biên bản kiểm tra và báo cáo tổng hợp theo từng học kỳ, năm học.

Hoạt động đánh giá chất lượng dịch vụ được thực hiện thông qua việc lấy ý kiến phản hồi của người học về mức độ đáp ứng của các khu vực học tập, rèn luyện và các dịch vụ hỗ trợ. Kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích và báo cáo tại các cuộc họp chuyên môn, họp giao ban nhằm xác định những mặt đạt được và những tồn tại cần khắc phục.

Trên cơ sở kết quả giám sát và đánh giá, nhà trường đã triển khai các biện pháp cải tiến như: sửa chữa, nâng cấp phòng học và xưởng thực hành; bổ sung, thay thế trang thiết bị đào tạo; điều chỉnh quy trình cung cấp dịch vụ hỗ trợ; cải thiện môi trường học tập và điều kiện rèn luyện cho người học. Các hoạt động cải tiến được lồng ghép trong kế hoạch năm học và kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ học tập, rèn luyện của người học trong chương trình đào tạo được tổ chức tương đối đầy đủ, phù hợp với mục tiêu và yêu cầu đào tạo. Công tác giám sát, đánh giá chất lượng dịch vụ được thực hiện thường xuyên và có sự tham gia phản hồi của người học. Các kết quả đánh giá được sử dụng làm căn cứ để triển khai các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ.

(7.2.01-Các hoạt động dịch vụ hỗ trợ và tiện ích các khu vực học tập và rèn luyện phục vụ HSSV;

7.2.02-Bộ hồ sơ khảo sát chất lượng dịch vụ phục vụ HSSV (bao gồm Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát;

7.2.03-Bảng tổng hợp kết quả khảo sát chất lượng dịch vụ phục vụ HSSV)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.2, tiêu chí 7: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2025, Trường Cao đẳng Cao Bằng đã xây dựng và triển khai hệ thống khảo sát nhằm thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người học sau tốt nghiệp đối với yêu cầu thực tiễn sản xuất, kinh doanh và dịch vụ

Các quy trình được cụ thể hóa thông qua việc lập kế hoạch khảo sát, thiết kế các công cụ khảo sát phù hợp (phiếu khảo sát, bảng hỏi phỏng vấn, khảo sát trực tuyến...). Nội dung khảo sát tập trung vào các tiêu chí như: Thông tin tuyển dụng của doanh nghiệp, việc làm và đào tạo, trình độ và năng lực, mức độ đáp ứng về kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học; chất lượng dịch vụ đào tạo... Các đối tượng khảo sát bao gồm doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị.

Hoạt động khảo sát được triển khai đúng theo quy trình khảo sát doanh nghiệp do

trường thiết lập, đảm bảo tính hệ thống, khách quan và hiệu quả. Kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích và báo cáo để làm căn cứ điều chỉnh chương trình, nội dung đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ, cũng như cải thiện dịch vụ hỗ trợ người học, từ đó từng bước nâng cao chất lượng và uy tín của nhà trường trên thị trường lao động.

Bên cạnh đó, Trường Cao đẳng Cao Bằng còn thu thập ý kiến từ HSSV đang theo học, cựu HSSV và đội ngũ cán bộ, giáo viên, giảng viên. Từ đó, nhà trường có cơ sở vững chắc để rà soát và cải tiến các chính sách liên quan đến công tác tuyển sinh, quản lý đào tạo, hỗ trợ HSSV, các hoạt động ngoại khóa và cơ sở vật chất. Mục tiêu là không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ một cách toàn diện, mang lại trải nghiệm tốt nhất cho tất cả các bên liên quan, đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về đào tạo.

(1.2.02-QT.54/TTTS06;

7.3.01-QT.52/TTTS>VL; QT.53/TTTS>VL;

7.3.02-Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến;

7.3.03-Bộ hồ sơ khảo sát đơn vị sử dụng lao động (bao gồm kế hoạch khảo sát và phiếu khảo sát; Mẫu phiếu khảo sát lần vết HSSV.)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.3, tiêu chí 7: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTBXH quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN, thông tư 14/2024/TT- BLĐTBXH ngày 31/12/2024 quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng GDNN. Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề trọng điểm năm 2025 gồm nghề Vận hành máy thi công nền; Hàn (Khoa Cơ khí - Động lực); Khuyến nông lâm, Trồng trọt, chăn nuôi thú y (Khoa Nông Lâm); Cao đẳng tiếng Trung Quốc (Khoa Ngôn ngữ) trình độ trung cấp, trình độ Cao đẳng theo đúng quy định của Thông tư và các quy định của BLĐTBXH, Tổng cục GDNN và của Trường.

Năm 2025, trường thành lập Hội đồng đánh giá chất lượng, xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ, bám sát hướng dẫn về công tác tự kiểm định, nộp báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp về Tổng cục GDNN đúng thời gian quy định.

Công tác tự đánh giá chất lượng đào tạo được nhà trường đặc biệt quan tâm. Phòng Kiểm định và Đảm bảo chất lượng phối hợp với Khoa Nông lâm thực hiện báo cáo đánh giá đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Khuyến nông lâm trình độ Trung cấp. Trong quá trình triển khai công tác tự kiểm định, Nhà trường tổ chức họp lấy ý kiến của nhà giáo, viên chức, người lao động trong trường, công khai nội dung tự kiểm định. Sau khi hoàn thành báo cáo, Nhà trường công khai báo cáo, nộp Sở Giáo dục và đào tạo, Cục giáo dục nghề nghiệp - GNTX

(7.4.01-Kế hoạch số 573/KH-CĐCB, ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề trọng điểm trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2025;

7.4.02-Quyết định số 490/QĐ-CĐCB, ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề trọng điểm trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2025;

7.4.03-Báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo; Ảnh công khai kết quả tự đánh giá trên website Nhà trường);

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.4, tiêu chí 7: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 7.5: Tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ học và thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Cao Bằng xác định rõ tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ bỏ học là những chỉ số quan trọng, phản ánh trực tiếp chất lượng đào tạo và hiệu quả quản lý của Nhà trường, do đó Nhà trường đã xác lập tỉ lệ người học bỏ học và tốt nghiệp, giám sát, đối sách để cải tiến, cụ thể:

Xác lập tỉ lệ người học bỏ học:

- *Hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo:* HSSV bị buộc thôi học nếu đã học vượt quá thời gian tối đa cho phép để hoàn thành CTĐT được quy định trong quy chế đào tạo của trường.

- *Kỷ luật ở mức buộc thôi học:* HSSV vi phạm nghiêm trọng kỷ luật của trường và bị xử lý kỷ luật ở mức buộc thôi học.

- *Vượt quá số lần cảnh báo:* Nếu một HSSV đã nhận quá 2 lần cảnh báo kết quả học tập trong quá trình học tập. Học sinh bị cảnh báo kết quả học tập khi vi phạm những quy định sau đây: Nếu trong một học kỳ, số học phần, môn học hoặc mô-đun mà HSSV không đạt vượt quá 50% tổng số MH/MĐ đã đăng ký trong học kỳ đó; Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 1.2 đối với học kỳ đầu tiên của khóa học, hoặc dưới 1.5 đối với các học kỳ tiếp theo (đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun, tín chỉ); kết thúc năm học có điểm trung bình dưới 4.0 (đào tạo theo niên chế)

- *Người học tự thôi học:* Người học tự xét thấy không còn khả năng hoàn thành chương trình do thời gian còn lại không đủ để hoàn thành chương trình theo quy định hoặc thôi học bởi lý do cá nhân. Giáo viên chủ nhiệm, Khoa chuyên môn theo dõi thời gian học tập của từng HSSV để đảm bảo không vượt quá thời gian tối đa cho phép; ghi nhận tình trạng kỷ luật của từng HSSV có bị kỷ luật ở mức buộc thôi học và theo dõi số lần bị cảnh báo vì tỉ lệ MH/MĐ không đạt của từng HSSV.

Căn cứ các quy định, Phòng Đào tạo & CTHSSV tiến hành đề xuất Hiệu trưởng xóa tên HSSV, từ đó so sánh với số lượng học sinh đầu năm học để xác lập tỉ lệ người học bỏ học theo bảng thống kê sau:

- Xác lập tỉ lệ người học tốt nghiệp:

Nhà trường xác lập tỷ lệ tốt nghiệp theo quy trình sau: Bắt đầu bằng việc rà soát kỹ lưỡng điều kiện tốt nghiệp của từng HSSV, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định trong quy chế đào tạo. Phòng đào tạo & CTHSSV phối hợp cùng Khoa Nông lâm, GVCN để kiểm tra việc hoàn thành chương trình, tích lũy tín chỉ, điểm trung bình chung tích lũy,

các nghĩa vụ tài chính và các yêu cầu đặc thù khác của ngành, nghề. Tiếp theo, Hội đồng xét tốt nghiệp sẽ tiến hành thẩm định hồ sơ và đưa ra quyết nghị dựa trên các minh chứng cụ thể. Quyết định công nhận tốt nghiệp cuối cùng sẽ được ban hành bởi Hiệu trưởng Nhà trường, đánh dấu sự hoàn thành khóa học của HSSV.

Sau khi danh sách HSSV được công nhận tốt nghiệp chính thức được phê duyệt, Phòng đào tạo & CTHSSV sẽ tiến hành thống kê số lượng HSSV này cùng với tổng số HSSV thuộc diện xét tốt nghiệp trong năm. Từ hai số liệu này, tỷ lệ tốt nghiệp hàng năm sẽ được tính toán một cách chính xác theo công thức đã quy định. Kết quả này không chỉ phản ánh năng lực đào tạo của Nhà trường trong năm học đó mà còn là một chỉ số quan trọng để báo cáo lên các cấp quản lý giáo dục, đồng thời cung cấp thông tin hữu ích cho việc đánh giá và cải tiến chất lượng đào tạo trong những năm tiếp theo.

- Giám sát, đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ học của người học để cải tiến:

Để đảm bảo chất lượng đào tạo không ngừng được nâng cao, nhà trường tiến hành đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp và bỏ học giữa các khóa, ngành, nghề đào tạo và theo thời gian. Việc so sánh này giúp nhận diện các xu hướng và vấn đề nổi bật, từ đó đánh giá được hiệu quả của các biện pháp đã triển khai. Khi phát hiện tỷ lệ tốt nghiệp chưa đạt kỳ vọng hoặc tỷ lệ bỏ học cao ở một ngành, nghề cụ thể, Trường sẽ tiến hành phân tích sâu các nguyên nhân để xây dựng kế hoạch can thiệp và điều chỉnh phù hợp.

Dựa trên kết quả giám sát và đối sánh, phòng Kiểm định và Đảm bảo chất lượng chủ động đề xuất Trường xây dựng và triển khai các biện pháp cải tiến chất lượng một cách có mục tiêu. Các biện pháp này có thể bao gồm tăng cường hỗ trợ học tập, đổi mới phương pháp giảng dạy, cải thiện cơ sở vật chất, hoặc điều chỉnh chính sách hỗ trợ người học. Thông qua quy trình giám sát, đối sánh và cải tiến liên tục, nhà trường cam kết nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo người học có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và tạo dựng môi trường học tập tốt nhất, giảm thiểu tỷ lệ bỏ học.

(3.1.03-Quyết định số 448/QĐ-CĐCB, ngày 29/9/2025 về công nhận thí sinh trúng tuyển hệ chính qui, trình độ Trung cấp đợt 2, năm 2025;

7.5.01-Bảng thống kê số HSSV (nhập học, tốt nghiệp) lớp TT.K19.BLAC, TT.K19.HA, năm 2025;

7.5.02-Sổ ký nhận bằng tốt nghiệp của HSSV; Biên bản họp xét buộc thôi học đối với học sinh lớp TT.K19.BLAC, TT.K19.HA;

7.5.03-Quyết định buộc thôi học HSSV)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.5, tiêu chí 7: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 7.6: Dữ liệu về mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học chương trình đào tạo được xác lập và giám sát. Mức độ hài lòng của người tốt nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng

Mô tả, phân tích, nhận định:

Xác lập và quản lý hệ thống dữ liệu về mức độ đạt được chuẩn đầu ra (CĐR) của người học, giám sát thường xuyên việc thu thập, cập nhật và phân tích dữ liệu để thực hiện đối sánh (so sánh theo thời gian, giữa các khóa, với mục tiêu đề ra hoặc với các CTĐT

trương đương). Sử dụng kết quả phân tích để phục vụ cải tiến chất lượng CTĐT, dữ liệu về mức độ đạt chuẩn đầu ra được xác lập rõ ràng; Hoạt động khảo sát mức độ hài lòng được thực hiện đa chiều, nhiều đối tượng; Kết quả đánh giá và khảo sát được sử dụng cho cải tiến CTĐT; Phù hợp với yêu cầu đảm bảo chất lượng và tự đánh giá CTĐT.

Năm 2025 Trường Cao đẳng Cao Bằng đã thực hiện khảo sát về mức độ hài lòng của người tốt nghiệp và đơn vị sử dụng lao động nhưng tỷ lệ phản hồi khảo sát chưa cao.

Dữ liệu về mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học chương trình đào tạo được xác lập và giám sát. Không đáp ứng được yêu cầu của nội hàm tiêu chuẩn, Khoa tự đánh giá không đạt yêu cầu

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.6, tiêu chí 7: 0 điểm

Tiêu chuẩn 7.7: *Tỷ lệ có việc làm, khởi nghiệp và tiếp tục học trình độ khác của người học sau tốt nghiệp được xác lập và đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng. Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2025, Trung tâm Tuyển sinh và Giới thiệu việc làm được giao nhiệm vụ chủ trì và thực hiện công tác khảo sát lần vết, lấy ý kiến của HSSV sau khi tốt nghiệp. Quy trình này được thực hiện theo Quyết định số 592/QĐ-CĐCB ngày 18/11/2025 về việc Ban hành hệ thống Quy trình bảo đảm chất lượng năm 2025.

Quy trình này bắt đầu bằng việc Trung tâm Tuyển sinh và Giới thiệu việc làm xây dựng kế hoạch khảo sát chi tiết dựa trên danh sách HSSV đã được công nhận tốt nghiệp trong năm 2024. Kế hoạch này bao gồm việc lựa chọn phương pháp khảo sát phù hợp (ví dụ: sử dụng phiếu khảo sát trực tuyến, gọi điện thoại, hoặc gửi email), thiết kế bộ câu hỏi khảo sát tập trung vào tình hình việc làm, mức độ phù hợp của công việc với chuyên ngành đào tạo và các ý kiến phản hồi khác về chất lượng đào tạo của Trường.

(3.5.02-Quyết định công nhận tốt nghiệp năm học 2024;

7.3.03 - Kế hoạch khảo sát lần vết HSSV năm 2025;

7.3.04-Mẫu phiếu khảo sát lần vết HSSV

7.7.01-Quyết định số 592/QĐ-CĐCB ngày 18/11/2025 về việc Ban hành hệ thống Quy trình bảo đảm chất lượng năm 2025;

7.7.02 QT.52/TTTS>VL04.)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.7, tiêu chí 7: 2,5 điểm

PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết luận: Hoạt động tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề Trồng trọt đã giúp Khoa Nông lâm có điều kiện đánh giá lại các hoạt động một cách toàn diện, đầy đủ thông qua hệ thống các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề do Bộ Lao động - TB&XH ban hành để từ đó phản ánh một cách trung thực, khách quan về các điểm mạnh, điểm yếu cũng như các cơ hội và thách thức hiện nay đối với Khoa Nông lâm Trường Cao đẳng Cao Bằng.

Kiến nghị:

Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề Trồng trọt trình độ Trung cấp, thực sự là một yêu cầu cấp bách, cần thiết cho nghề đào tạo. Qua công tác kiểm định, tất cả cán bộ, giáo viên trong đơn vị nhận thức đầy đủ về các yêu cầu và trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc hoàn thiện và nâng cao năng lực đào tạo nghề trọng điểm. Khoa Nông lâm có một số kiến nghị như sau:

1. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng tăng thực hành, cập nhật tiến bộ kỹ thuật trong nghề Trồng trọt.
2. Nhà trường cần đầu tư về kinh phí để biên soạn giáo trình, bài giảng chuẩn cho các môn học/mô đun để phục vụ quá trình giảng dạy đạt chất lượng, hiệu quả cao.
3. Tăng cường quỹ thời gian cho giáo viên đi thực tế tại doanh nghiệp để cập nhật các công nghệ mới trong lĩnh vực trồng trọt, từ đó nâng cao kỹ năng tay nghề của giảng viên, giáo viên cũng như chất lượng đào tạo.
4. Thực hiện hiệu quả việc thu thập phản hồi của người học, người tốt nghiệp và đơn vị sử dụng lao động để cải tiến chương trình.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (b/c);
- Lãnh đạo trường (b/c);
- Lưu VT, Phòng KD&DBCL.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Ngọc Hoàng Anh

BẢNG MÃ MINH CHỨNG

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1	1	1	1. 1.01		Quyết định số 36/QĐ-CĐCB ngày 17/4/2025 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cao Bằng ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Cao Bằng.
					Thông tư 52/2018/TT-BLĐT BXH Ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề, thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản và thú y
					Thông tư 23/2019/TT-BLĐT BXH ngày 23/12/2019 quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực sản xuất, chế biến và nông nghiệp
2	1	1	1. 1.02		Bộ chương trình đào tạo nghề Trồng trọt trình độ Trung cấp kèm theo Quyết định số 302/QĐ-CĐCB ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Trường Cao đẳng Cao Bằng
3	1	2	1.2.01		Công văn số 643/CĐCB-TSGTVL V/v Phối hợp khảo sát lấy ý kiến phản hồi của đơn vị sử dụng lao động về chất lượng người học tốt nghiệp và khảo sát tình hình việc làm của người học
4	1	2	1.2.02		QT.54/TTTS06

5	1	2	1.2.03		http://truongcaodangcaobang.edu.vn/ ; Thông báo tuyển sinh năm 2025; Văn bản tuyển sinh đến các trường THPT, các Trung tâm GDNN – GDTX
6	1	3			
7	2	1		1.1.02	Bộ chương trình đào tạo nghề Trồng trọt trình độ Trung cấp kèm theo Quyết định số 302/QĐ-CĐCB ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Trường Cao đẳng Cao Bằng
8	2	1		1.2.01	Công văn số 643/CĐCB-TSGTVL V/v Phối hợp khảo sát lấy ý kiến phản hồi của đơn vị sử dụng lao động về chất lượng người học tốt nghiệp và khảo sát tình hình việc làm của người học
9	2	1	2.1.01		Kế hoạch số 439/KH-CĐCB ngày 28/8/2025 Kế hoạch về hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan năm học 2025 -2026; Kế hoạch số 472/KH-CĐCB ngày 18/9/2025 về hoạt động giảng dạy của giảng viên năm học 2025 - 2026 và chất lượng đào tạo của khóa học trình độ Trung cấp, Cao đẳng khóa 2023 – 2026)
10	2	2		1.1.02	Bộ chương trình đào tạo nghề Trồng trọt trình độ Trung cấp kèm theo Quyết định số 302/QĐ-CĐCB ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Trường Cao đẳng Cao Bằng
11	2	2		1.2.01	Công văn số 643/CĐCB-TSGTVL V/v Phối hợp khảo sát lấy ý kiến phản hồi của đơn vị sử dụng lao động về chất lượng người học tốt nghiệp và khảo sát tình hình việc làm của người học
12	2	3		1.2.02	QT.54/TTTS06
13	2	3	2.3.01		Quyết định số 593/QĐ-CĐCB ngày 18/11/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao Đẳng Cao Bằng ban hành Bộ công cụ lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan

					<i>Trường Cao đẳng Cao Bằng.</i>
14	2	4		1.2.01	<i>Công văn số 643/CĐCB-TSGTVL V/v Phối hợp khảo sát lấy ý kiến phản hồi của đơn vị sử dụng lao động về chất lượng người học tốt nghiệp và khảo sát tình hình việc làm của người học</i>
15	2	4		1.2.02	<i>QT.54/TTTS06</i>
16	2	4	2.4.01		<i>Quy trình QT.47/K.NL01</i>
17	2	4	2.4.02		<i>Quyết định số 302/QĐ-CĐCB, ngày 08 tháng 7 năm 2025 về việc Ban hành chương trình đào tạo</i>
18	2	4	2.4.03		<i>Quyết định số 238/QĐ-CĐCB, ngày 24 tháng 7 năm 2025 về việc thành lập ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh, cập nhật và bổ sung chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm học 2025 – 2026</i>
19	2	5		2.4.02	<i>Quyết định số 302/QĐ-CĐCB, ngày 08 tháng 7 năm 2025 về việc Ban hành chương trình đào tạo</i>
20	2	5	2.5.01		<i>Danh mục giáo trình, bài giảng các môn học/môđun nghề Trồng trọt</i>
21	2	5	2.5.02		<i>Bản in giáo trình, bài giảng các môn học/môđun của nghề Trồng trọt trình độ Trung cấp</i>
22	2	6		2.4.02	<i>Quyết định số 302/QĐ-CĐCB, ngày 08 tháng 7 năm 2025 về việc Ban hành chương trình đào tạo</i>
23	2	6		2.5.01	<i>Danh mục giáo trình, bài giảng các môn học/môđun nghề Trồng trọt</i>
24	2	6		2.5.02	<i>Bản in giáo trình, bài giảng các môn học/môđun của nghề Trồng trọt trình độ Trung cấp</i>
25	2	7		2.4.02	<i>Quyết định số 302/QĐ-CĐCB, ngày 08 tháng 7 năm 2025 về việc Ban hành chương trình đào tạo</i>

26	3	1		2.5.01	Danh mục giáo trình, bài giảng các môn học/môđun nghề Trồng trọt
27	3	1		1.2.03	http://truongcaodangcaobang.edu.vn/ ; Thông báo tuyển sinh năm 2025; Văn bản tuyển sinh đến các trường THPT, các Trung tâm GDNN – GDTX
28	3	1	3.1.01		Giấy chứng nhận số 601/GCNĐKKHĐ-SLĐTBOXH, ngày 27 tháng 4 năm 2020 về việc đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; Quyết định số 79/QĐ-CĐCB, ngày 07/5/2025 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm 2050
29	3	1	3.1.02		Quyết định số 89/QĐ-CĐCB Về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh Trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2025
30	3	1	3.1.03		Quyết định số 388/QĐ-CĐCB về việc công nhận thí sinh trúng tuyển hệ chính quy, trình độ cao đẳng đợt 1, năm 2025 Quyết định số 448/QĐ-CĐCB, ngày 29/9/2025 về công nhận thí sinh trúng tuyển hệ chính qui, trình độ Trung cấp đợt 2, năm 2025
31	3	1	3.1.04		Kế hoạch số 72/QĐ-CĐCB, ngày 14/02/2025 về việc ban hành kế hoạch tuyển sinh năm học 2025-2026 Thông báo số 81.TB-CĐCB Tuyển sinh trình độ trung cấp, sơ cấp năm học 2025 - 2026
32	3	1	3.1.05		Báo cáo số 706 Lấy ý kiến phản hồi của nhà giáo và nhân viên về công tác tuyển sinh năm 2025 Báo cáo số 707 kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học đầu khóa năm học 2025 - 2026 Biên bản giao nhận hồ sơ hệ Trung cấp ngày 13 tháng 10 năm 2025

33	3	2		1.2.02	QT.54/TTTS06
34	3	2	3.2.01		Quyết định số 386/QĐ-CĐCB ngày 22 tháng năm 2025 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng hệ chính qui theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ
35	3	3		1.2.02	QT.54/TTTS06
36	3	3		3.2.01	Quyết định số 386/QĐ-CĐCB ngày 22 tháng năm 2025 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng hệ chính qui theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ
37	3	3	3.3.01		Kế hoạch giáo viên năm học 2025-2026
38	3	3	3.3.02		CTĐT nghề Trồng trọt năm 2025
39	3	4	3.4.01		Kế hoạch số 01/KH-KNL, ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc thực tập tốt nghiệp các lớp Khuyến nông lâm, trồng trọt, chăn nuôi thú y – K19
40	3	4	3.4.02		Quyết định số 25/QĐ-CĐCB, ngày 11 tháng 4 năm 2025 về việc điều động học sinh lớp TT..K19.HA thực tập tốt nghiệp
					Quyết định số 28/QĐ-CĐCB, ngày 11 tháng 4 năm 2025 về việc điều động học sinh lớp TT.K19.BLAC thực tập tốt nghiệp
41	3	4	3.4.03		Danh sách giáo viên hướng dẫn thực tập tốt nghiệp lớp TT..K19.HA,
					Danh sách giáo viên hướng dẫn thực tập tốt nghiệp lớp TT.K19.BLAC
42	3	4	3.4.04		Đề cương thực tập tốt nghiệp lớp TT..K19.HA
					Đề cương thực tập tốt nghiệp lớp TT.K19.BLAC

43	3	4	3.4.05		Báo cáo thực tập tốt nghiệp lớp TT..K19.HA
					Báo cáo thực tập tốt nghiệp lớp TT.K19.BLAC
44	3	5		1.2.02	QT.54/TTTS06
45	3	5		3.2.01	Quyết định số 386/QĐ-CĐCB ngày 22 tháng năm 2025 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng hệ chính qui theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ
46	3	5	3.5.01		Quyết định số 66/QĐ-CĐCB về việc ban hành Quy chế thi kết thúc học phần, môn học, thi tốt nghiệp đối với trình độ trung cấp, cao đẳng chính quy đào tạo theo niên chế
47	3	5	3.5.02		Biên bản họp Hội đồng xét tốt nghiệp
					Quyết định số 331/QĐ-CĐCB công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp cho học sinh K19 (đợt 1)
					Danh sách người học được công nhận tốt nghiệp đợt 1
					Quyết định số 369/QĐ-CĐCB công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp cho học sinh K19 (đợt 2)
					Danh sách người học được công nhận tốt nghiệp đợt 2
48	3	6		1.2.02	QT.54/TTTS06
49	3	6		3.2.01	Quyết định số 386/QĐ-CĐCB ngày 22 tháng năm 2025 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng hệ chính qui theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ
50	3	6	3.6.01		Danh sách các phương pháp đánh giá kết quả của người học

51	3	7		1.2.02	QT.54/TTTS06
52	3	7	3.7.01		Bảng điểm kết quả học tập của môn học/mô đun, học kỳ, toàn khóa lớp TT.K19.HA
					Bảng điểm kết quả học tập của môn học/mô đun, học kỳ, toàn khóa lớp TT.K19.BLAC
53	3	7	3.7.02		Báo cáo số 691/BC-CĐCB, ngày 12 tháng 12 năm 2025 về việc tổng kết năm học 2024 – 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2025-2026
54	4	1		1.2.02	QT.54/TTTS06
55	4	1	4.1.01		Danh sách trích ngang của quản lý, giáo viên, giảng viên Khoa Nông lâm năm học 2025- 2026
56	4	1	4.1.02		Hồ sơ của quản lý, giáo viên, giảng viên Khoa Nông lâm 2025 – 2026
57	4	2		3.3.01	Kế hoạch giáo viên năm học 2025-2026
58	4	2		3.1.03	Quyết định số 448/QĐ-CĐCB, ngày 29/9/2025 về công nhận thí sinh trúng tuyển hệ chính qui, trình độ Trung cấp đợt 2, năm 2025
59	4	2	4.2.01		Bảng tổng hợp giờ giảng của giáo viên Khoa Nông lâm năm học 2024-2025
60	4	2	4.2.02		Bảng thanh toán tiền lương, chi trả tiền thừa giờ năm 2025
61	4	3		1.2.02	QT.54/TTTS06
62	4	3		4.1.01	Danh sách trích ngang quản lý, giáo viên, giảng viên Khoa Nông lâm năm học 2025- 2026
63	4	3	4.3.01		Công văn số 276/CĐCB-ĐT, ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc danh sách đăng ký tham gia lớp bồi dưỡng ứng dụng AI
					Quyết định số 577/QĐ-CĐCB, ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc cử giáo viên

					đi học tập bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghề trồng trọt, chuyên đề "Đào tạo kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật"
64	4	3	4.3.02		Hình ảnh giáo viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng
65	4	3	4.3.03		Danh sách nhà giáo Khoa Nông lâm giảng dạy các môn chuyên môn nghề tham gia nghiên cứu khoa học, thiết bị đào tạo tự làm
66	4	4		1.2.02	QT.54/TTTS06
67	4	4	4.4.01		Quyết định số 66/QĐ-CĐCB ngày 29/4/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cao Bằng về việc ban hành quy chế thi kết thúc học phần, môn học, thi tốt nghiệp đối với trình độ trung cấp, cao đẳng chính quy đào tạo theo niên chế.
68	4	4	4.4.02		Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng viên chức năm 2025
69	4	4	4.3.02		Công văn số 276/CĐCB-ĐT, ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc danh sách đăng ký tham gia lớp bồi dưỡng ứng dụng AI
					Quyết định số 577/QĐ-CĐCB, ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc cử giáo viên đi học tập bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghề trồng trọt, chuyên đề "Đào tạo kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật"
70	4	4		4.3.01	Hình ảnh giáo viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng AI, Đào tạo kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật
71	4	4		4.3.03	Danh sách nhà giáo Khoa Nông lâm giảng dạy các môn chuyên môn nghề tham gia nghiên cứu khoa học, thiết bị đào tạo tự làm
72	4	5		4.1.01	Danh sách trích ngang cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên Khoa Nông lâm

					<i>năm học 2025- 2026</i>
					<i>Hồ sơ của cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên Khoa Nông lâm</i>
73	4	5	4.3.01		<i>Công văn số 276/CĐCB-ĐT, ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc danh sách đăng ký tham gia lớp bồi dưỡng ứng dụng AI</i> <i>Quyết định số 577/QĐ-CĐCB, ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc cử giáo viên đi học tập bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghề trồng trọt, chuyên đề "Đào tạo kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật"</i>
74	4	5	4.5.01		<i>Danh sách giảng viên, giáo viên Khoa Nông lâm được cử đi học tập AI, Đào tạo kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật năm 2025</i>
75	4	5	4.5.02		<i>Báo cáo Khoa nông lâm năm học 2024-2025</i>
76	4	6	4.6.01		<i>Quyết định số 201/QĐ-CĐCB, ngày 29 tháng 5 năm 2025 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025</i>
77	4	6	4.6.02		<i>Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức Khoa Nông lâm được hưởng chế độ chính sách năm 2024</i>
78	4	6	4.6.03		<i>Hồ sơ chi trả chế độ chính sách cho cán bộ, viên chức năm 2024</i>
79	4	6	4.6.04		<i>Quyết định số 350/QĐ-CĐCB, ngày 01 tháng 8 năm 2025 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo Trường Cao đẳng Cao Bằng</i> <i>Quyết định số 350/QĐ-CĐCB, ngày 01 tháng 8 năm 2025 ban hành Quy chế tiền thưởng năm 2025</i>
80	4	6	4.6.05		<i>Quyết định số 238/QĐ-CĐCB, ngày 06 tháng 6 năm 2025 về việc Biểu dương, khen thưởng các cá nhân có thành tích</i>

					cao năm học 2024 – 2025
81	5	1		1.2.02	QT.54/TTTS06
82	5	1	5.1.01		Sổ quản lý tài sản cố định năm 2025
83	5	1		1.2.03	Thông báo tuyển sinh năm 2025
84	5	1	5.1.02		Biểu thống kê cơ sở vật chất năm 2025
85	5	2		1.2.02	QT.54/TTTS06
86	5	2	5.2.01		Danh mục thiết bị đào tạo nghề Trồng trọt
87	5	2	5.2.02		Thống kê số lượng người học lý thuyết và thực hành của các môn học/mô đun nghề Trồng trọt
88	5	2	5.2.03		Kế hoạch giảng dạy theo tuần Trường Cao đẳng Cao Bằng
89	5	3		1.2.02	QT.54/TTTS06
90	5	3		5.1.01	Sổ quản lý tài sản cố định năm 2025
91	5	3		5.2.01	Danh mục thiết bị đào tạo nghề Trồng trọt
92	5	3	5.3.01		Hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo nghề Trồng trọt
93	5	3	5.3.02		QT.31/TCHC10
94	5	4		1.2.02	QT.54/TTTS06
95	5	4	5.4.01		QT.29/TCHC08
96	5	4	5.4.02		QT.32/TCHC11
97	5	4	5.4.03		Đề xuất nguyên, nhiên, vật liệu năm học 2025-2026
98	5	4	5.4.04		Kế hoạch giảng dạy của từng môn học/mô đun nghề Trồng trọt năm 2024
99	5	5			
100	5	6	5.6.01		Danh mục các phần mềm đào tạo trực tuyến

101	6	1		3.5.02	<i>Quyết định số 66/QĐ-CĐCB về việc ban hành Quy chế thi kết thúc học phần, môn học, thi tốt nghiệp đối với trình độ trung cấp, cao đẳng chính quy đào tạo theo niên chế</i>
102	6	1	6.1.01		<i>Nghị định số 238/NĐ-CP, ngày 3 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học tập; hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo</i>
					<i>Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp, chính sách trợ cấp xã hội</i>
					<i>Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập, chính sách miễn giảm học phí</i>
103	6	1		3.2.01	<i>Quyết định số 386/QĐ-CĐCB ngày 22 tháng năm 2025 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng hệ chính qui theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ</i>
104	6	1	6.1.02		<i>Quyết định số 65/QĐ-CĐCB, ngày 29 tháng 4 năm 2025 về việc ban hành Quy chế công tác Quản lý học sinh, sinh viên Ký túc xá Trường Cao đẳng Cao Bằng</i>
105	6	1	6.1.03		<i>Hướng dẫn số 94/HD-CĐCB về việc Thực hiện xét các chế độ chính sách cho học sinh, sinh viên</i>
106	6	2		6.1.01	<i>Nghị định số 238/NĐ-CP, ngày 3 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học tập; hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo</i>

					dục, đào tạo
					Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp, chính sách trợ cấp xã hội
					Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập, chính sách miễn giảm học phí
107	6	2		6.1.03	Hướng dẫn số 94/HD-CĐCB về việc Thực hiện xét các chế độ chính sách cho học sinh, sinh viên
108	6	2	6.2.01		Danh sách khen thưởng HSSV đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện
109	6	2	6.2.02		Danh sách học sinh nghề Trồng trọt được hưởng chế độ miễn giảm học phí, học kỳ I năm học 2025-2026
					Danh sách học sinh nghề Trồng trọt được hưởng chính sách nội trú, học kỳ I năm học 2025-2026
					Danh sách học sinh nghề Trồng trọt được hưởng trợ cấp xã hội, học kỳ I năm học 2025-2026
110	6	2	6.2.03		Quyết định số 08/QĐ-CĐCB, ngày 08 tháng 8 năm 2025 về việc chi trả chế độ cho học sinh khóa K20, K21, K22 học kỳ I, năm học 2025-2026;
111	6	3	6.3.01		Kế hoạch 01/ĐTN, ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc Tổ chức Hội thi văn nghệ "Giai điệu Tự hào - Sáng ngời niềm tin theo Đảng" chào mừng thành công đại hội Đảng bộ Trường CĐCB nhiệm kỳ 2025-2030
					Kế hoạch số 24/KH-ĐTN, ngày 16 tháng 7 năm 2025 về việc tổ chức các hoạt

					động kỷ niệm 78 năm ngày Thương binh-Liệt sĩ Kế hoạch số 569/TL-CĐCB, ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc Thẻ lệ hội diễn văn nghệ học sinh, sinh viên năm học 2025-2026 chào mừng ngày nhà giáo Việt nam 20-11 năm 2025 Kế hoạch số 30/KH-ĐTN, ngày 15 tháng 11 năm 2025 về việc ra quân ngày chủ nhật xanh lần VIII năm 2025
112	6	3	6.3.02		Kế hoạch số 08/KH-CĐCB ngày 08 tháng 8 năm 2025 về việc tư vấn, hướng nghiệp và giới thiệu việc làm năm 2025-2026 Thông báo tham gia tư vấn hướng nghiệp năm 2025; Danh sách tham gia tư vấn hướng nghiệp năm 2025 Báo cáo công tác tư vấn, hướng nghiệp và ngày hội việc làm năm 2025
113	6	3	6.3.03		Quyết định số 350/QĐ-CĐCB ngày 01/8/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cao Bằng về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo Trường Cao đẳng Cao Bằng
114	6	4	6.3.01		Báo cáo số 477/BC-CĐCB ngày 18/9/2025 Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến nhà giáo, viên chức, người lao động về các hoạt động đào tạo, phục vụ đào tạo và môi trường làm việc của Trường Cao đẳng Cao Bằng năm học 2024-2025.) Kế hoạch số 24/KH-ĐTN, ngày 16 tháng 7 năm 2025 về việc tổ chức các hoạt động kỷ niệm 78 năm ngày Thương binh-Liệt sĩ Kế hoạch số 569/TL-CĐCB, ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc Thẻ lệ hội diễn văn nghệ học sinh, sinh viên năm

					học 2025-2026 chào mừng ngày nhà giáo Việt nam 20-11 năm 2025 Kế hoạch số 30/KH-ĐTN, ngày 15 tháng 11 năm 2025 về việc ra quân ngày chủ nhật xanh lần VIII năm 2025
115	6	4	6.4.01		Kế hoạch số 332/KH-CĐCB ngày 9/7/2025 về việc Khảo sát lấy ý kiến nhà giáo, viên chức, người lao động và người học về các hoạt động đào tạo, phục vụ đào tạo và môi trường làm việc của Trường Cao đẳng Cao Bằng năm học 2024-2025.
116	7	1	7.1.01		QT09/P.ĐT&CTHSSV09
117	7	1		1.1.02	Quyết định số 302/QĐ-CĐCB, ngày 08 tháng 7 năm 2025 về việc Ban hành chương trình đào tạo
118	7	1		1.1.02	Chương trình đào tạo nghề Chăn nuôi-Thú y đã được chỉnh sửa, cập nhật và bổ sung ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-CĐCB, ngày 08 tháng 7 năm 2025
119	7	1	7.1.02		Kế hoạch số 444/KH-CĐCB, ngày 29 tháng 8 năm 2025 về việc Bảo đảm chất lượng năm học 2025-2026
					Báo cáo đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2025
					Quyết định số 589/QĐ-CĐCB ngày 12/11/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao Đẳng Cao Bằng ban hành Mục tiêu chất lượng và Chính sách chất lượng năm học 2025 -2026 của Trường Cao đẳng Cao Bằng.
					Quyết định số 606/QĐ-CĐCB ngày 24/11/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao Đẳng Cao Bằng Về việc ban hành Sổ tay bảo đảm chất lượng của Trường Cao đẳng Cao Bằng

					Quyết định số 592/QĐ-CĐCB ngày 18/11/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao Đẳng Cao Bằng ban hành hệ thống Quy trình bảo đảm chất lượng năm 2025.
120	7	2	7.2.01		Các hoạt động dịch vụ hỗ trợ và tiện ích các khu vực học tập và rèn luyện phục vụ HSSV
121	7	2	7.2.02		Bộ hồ sơ khảo sát chất lượng dịch vụ phục vụ HSSV(bao gồm Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát)
122	7	2	7.2.03		Bảng tổng hợp kết quả khảo sát chất lượng dịch vụ phục vụ HSSV
123	7	3		1.2.02	QT.54/TTTS06
124	7	3	7.3.01		QT.52/TTTS>VL04
					QT.53/TTTS>VL05
125	7	3	7.3.02		Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến
126	7	3	7.3.03		Bộ hồ sơ khảo sát đơn vị sử dụng lao động (bao gồm Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát)
127	7	3	7.3.04		Mẫu phiếu khảo sát lần vết HSSV
128	7	4	7.4.01		Kế hoạch số 573/KH-CĐCB, ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề trọng điểm trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2025
129	7	4	7.4.02		Quyết định số 490/QĐ-CĐCB, ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề trọng điểm trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2025
130	7	4	7.4.03		Báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

ĐÀO
RUC
AO E
AO E
S

					Ảnh công khai kết quả tự đánh giá trên website Nhà trường
131	7	5		3.1.03	Quyết định số 448/QĐ-CĐCB, ngày 29/9/2025 về công nhận thí sinh trúng tuyển hệ chính qui, trình độ Trung cấp đợt 2, năm 2025
132	7	5	7.5.01		Bảng thống kê số HSSV (nhập học, tốt nghiệp) lớp TT..K19.HA, TT.K19.BLAC năm 2025
133	7	5	7.5.02		Sổ ký nhận bằng tốt nghiệp của HSSV Biên bản họp xét buộc thôi học đối với học sinh lớp TT..K19.HA, TT.K19.BLAC
134	7	5	7.5.03		Quyết định số 08/QĐ-CĐCB, ngày 08 tháng 8 năm 2025 về việc buộc thôi học HSSV
135	7	6			
136	7	7		3.5.02	Quyết định số 369/QĐ-CĐCB công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp cho học sinh K19 (đợt 2) Danh sách người học được công nhận tốt nghiệp đợt 2
137	7	7		7.1.02	Quyết định số 592/QĐ-CĐCB ngày 18/11/2025 về việc Ban hành hệ thống Quy trình bảo đảm chất lượng năm 2025
138	7	7		7.3.01	QT.52/TTTS>VL04
139	7	7	7.7.01		Kế hoạch khảo sát lần vết HSSV năm 2025
140	7	7	7.7.02		Mẫu phiếu khảo sát lần vết HSSV

KẾ HOẠCH
Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Trồng trọt
Trình độ Trung cấp năm 2025

Thực hiện Kế hoạch số: 573/KH-CĐCB, ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Hiệu trưởng về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề trọng điểm trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2025.

Khoa Nông lâm lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Trồng trọt như sau:

TT	Nội dung thực hiện	Thời gian	Người phụ trách
1	Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2025	Trước 05/11/2025	Nguyễn Thị Hương
2	- Thu thập thông tin minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định của đơn vị. - Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2025 của đơn vị	05/11 ÷ 04/12/2025	Hoàng Nông Chiến Nguyễn Thị Hương
3	Đọc, góp ý báo cáo và chỉnh sửa	05/12 ÷ 10/12/2025	Hoàng Thị Hương
4	Chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2025 của đơn vị và nộp báo cáo về Phòng Kiểm định và ĐBCL	13/12 ÷ 18/12/2025	Nguyễn Thị Hương



KẾ HOẠCH
Nâng cao chất lượng chương trình đào tạo nghề Trồng trọt
Trình độ Trung cấp năm 2025

Thực hiện Kế hoạch số: 573/KH-CĐCB, ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Hiệu trưởng về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề trọng điểm trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2025.

Khoa Nông lâm lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Trồng trọt như sau:

I. Mục đích

- Khắc phục các tồn tại, hạn chế trong chương trình đào tạo nghề Trồng trọt được đưa ra qua công tác tự đánh giá CTĐT.
- Nâng cao năng lực thực hành nghề, khả năng tổ chức sản xuất trồng trọt cho người học, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp bền vững tại địa phương.
- Gắn đào tạo với thực tiễn sản xuất cây trồng chủ lực, mô hình kinh tế nông nghiệp và nhu cầu sử dụng lao động trong lĩnh vực trồng trọt.

II. Yêu cầu

- Nội dung cải tiến phải phù hợp với đặc thù nghề Trồng trọt, điều kiện cơ sở vật chất và nguồn lực của Nhà trường.
- Các giải pháp tập trung nâng cao kỹ năng thực hành, kỹ năng nghề và khả năng ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất.
- Có sự phối hợp giữa các đơn vị chuyên môn, doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất nông nghiệp.

III. Nội dung và giải pháp nâng cao chất lượng

1. Hoàn thiện mục tiêu, chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo

- Rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra theo hướng người học sau tốt nghiệp có khả năng.
- Thực hiện các quy trình trồng, chăm sóc, thu hoạch và bảo quản một số cây trồng chủ lực của địa phương (lúa, ngô, rau, cây ăn quả).
- Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong trồng trọt như sử dụng giống mới, phân bón hợp lý, tưới tiết kiệm nước, phòng trừ sâu bệnh tổng hợp (IPM).
- Cập nhật nội dung chương trình đào tạo gắn với sản xuất nông nghiệp an toàn, VietGAP, nông nghiệp hữu cơ và chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

2. Nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo

- Tăng thời lượng thực hành, thực tập trên đồng ruộng, vườn thực nghiệm, mô hình sản xuất của Nhà trường.
- Tổ chức cho người học tham gia các mô hình sản xuất thực tế như trồng rau an toàn, cây ăn quả, cây dược liệu, sản xuất giống.
- Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng “cầm tay chỉ việc”, dạy học theo tình huống sản xuất cụ thể.

3. Phát triển đội ngũ giảng viên, giáo viên

- Tạo điều kiện cho giảng viên, giáo viên tham gia tập huấn kỹ thuật trồng trọt mới, mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ.
- Khuyến khích giảng viên, giáo viên gắn giảng dạy với sản xuất thực tế, xây dựng mô hình trồng trọt điểm phục vụ đào tạo.
- Bồi dưỡng kỹ năng xây dựng giáo án tích hợp và tổ chức dạy học thực hành ngoài hiện trường.

4. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ đào tạo nghề

- Bổ sung, nâng cấp các thiết bị phục vụ thực hành như: hệ thống tưới, nhà lưới, nhà che...
- Hoàn thiện khu thực nghiệm trồng trọt phục vụ giảng dạy và thực hành cho người học.

5. Đẩy mạnh liên kết sản xuất và hỗ trợ người học

- Mở rộng liên kết với hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp, trang trại trồng trọt để tổ chức thực tập và giải quyết việc làm.
- Hỗ trợ người học tham gia sản xuất, tiêu thụ sản phẩm thực hành gắn với đào tạo.
- Tăng cường tư vấn khởi nghiệp trong lĩnh vực trồng trọt.

6. Tăng cường công tác đánh giá và cải tiến chất lượng

- Thu thập ý kiến phản hồi của người học, người tốt nghiệp và đơn vị sử dụng lao động trong lĩnh vực trồng trọt.
- Định kỳ đánh giá hiệu quả các mô hình thực hành, thực tập nghề Trồng trọt để điều chỉnh chương trình đào tạo.
- Cập nhật minh chứng phục vụ công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

IV. Tổ chức thực hiện

- Ban Lãnh đạo chỉ đạo chung việc triển khai kế hoạch nâng cao chất lượng chương trình đào tạo nghề Trồng trọt.
- Khoa chuyên môn và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện theo phân công.
- Kết quả thực hiện kế hoạch được tổng hợp, báo cáo định kỳ và sử dụng làm căn cứ cho công tác tự đánh giá tiếp theo.